

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TU TRÌ KÝ

## QUYỂN THƯỢNG (PHẦN 4)

### THIÊN GIẢI THÍCH THUYẾT GIỚI

Giới tức bốn thọ pháp thể, lượng đồng sa giới. Từ duyên khởi nêu ra những điều thiết yếu, gồm hai trăm năm mươi giới, làm con đường trì phạm khiến cho dễ nhiếp tu. Nhưng sợ chúng tăng biếng nhác không tự sách tấn siêng năng, vì thế mỗi nửa tháng (30 và 15) tập trung một chỗ để tác pháp tuyên bố (thuyết giới), ngõ hầu nhân lời thuyết giới này mà phản tỉnh tự mình, sửa đổi việc làm ngày càng mới. Tuy rộng lược có hai mà tăng riêng ba vị.

I. Nói gồm nhiếp thì không đâu chẳng phải là tịnh hạnh, nên gọi là thuyết giới.

Chánh nghi do ngài Phổ Chiếu, ngài Đạo An và luật mở rộng Dương thời, lập pháp tuy rất nhiều nhưng không có điển cứ. Những điều nói trong thiên này đều nương lời dạy của Đức Phật. Xem kỹ kinh luật, sừu tầm điều đúng bỏ bớt điều sai, tựa đề là chánh nghi, đối chiếu chọn bỏ những chỗ không đúng.

Lại ở trên nói thuyết giới là chỉ cho pháp sở thuyết (pháp đã được nói); dưới nói chánh nghi là gồm duyên năng biện. Cả hai năng sở đều nêu, cả hai duyên pháp đều hiểu.

Vấn chú giải nêu trong phần chính giải thích. Tức Tam Thiên oai nghi, nghĩa đầu nay chính dùng, vì thế được nêu trước tiên.

Tịnh trụ có hai nghĩa giải thích:

Một là nghĩa bất thất: Nghe trì không phạm, thể thường còn, vì thế phần sau nói thanh tịnh giới trụ.

Hai là nghĩa y chỉ: Cấm chế ba nghiệp an trụ trong giới. Tức trong Quảng Hoằng Minh Tập chép: Tịnh thân miệng ý như giới mà trụ là ở đây.

Trong phần rộng dẫn nêu ra phần thiết yếu luật nghi những chữ quốc ngữ, kể là dẫn Nê-hoàn. Đầu tiên là dịch tên. Kiêu-tát-la, Phương

Chí nói thuộc Trung Ấn-độ, chu vi sáu ngàn dặm, các sơn thành khác chu vi hơn bốn ngàn dặm, rất có lòng tin Phật pháp.

Nê-hoàn có hai bồn, nay có sáu quyển, chọn hai quyển: Trưởng dưỡng tức dịch chung, hai nghĩa giải thích riêng: (232) nghĩa đầu đồng như trước, nghĩa kế già luận chứng đắc bạch pháp, v.v... Hoặc trưởng đối với nghĩa kế, dưỡng đối với nghĩa trước. Trong kinh Tập A-hàm tiếng Phạm tuy đủ, thì biết riêng Bồ-tát mà lại lược.

Phần sau dẫn chánh âm hai nghĩa phân phối. Đoạn nghĩa là dứt ác, đồng giới trụ ở trước, nghĩa sau tương đối rất dễ biết. Quốc ngữ không đồng hai chữ hóa ở trên vì thế không gọi là sau.

Trên là dịch đủ, lại bao gồm các nghĩa khác, có bảy tên gọi:

1- Tập: Trong bài tựa giới nói rằng cùng nhóm họp (tập trung) một chỗ.

2- Biết: Tức là biết phạm, không phạm, v.v... ở dưới nói rằng: Trong khoảng thời gian từ nửa tháng trước đến nửa tháng sau có phạm chăng?

3- Tuyên: Lời sơ trong giới nói là thuyết giới trong hai tháng hắc ngoạt và bạch ngoạt (tức ngày 30 và 15).

4- Đồng: Phạm thánh trong mười phương đều tôn trọng.

5- Cộng trụ: Thanh tịnh ở trong hai bộ tăng, người phạm không được nghe.

6- Chuyển: Chuyển các hoặc nghiệp chứng bạch pháp (chứng pháp thanh tịnh).

7- Thường: Chỗ thường thực hành những việc khác của tăng rất ít nên chỉ nêu tên.

Nay ý đã rõ, dẫn văn y cứ nghĩa lược như giải thích trên.

Trong Tam thiên có ba cách dịch:

Hai cách giống như giải thích ở trên, hòa hợp ba thể tướng không nói không hiển.

Hai cách sau, nghĩa đã hiển ở phần chánh dịch, cho nên phần trước phần nhiều tông quy thành bốn cách. Tịnh trụ đoạn chuyển dứt ác làm tên. Tăng trưởng, nuôi lớn sinh thiện làm tên, tập, cộng trụ, và tôn quý làm tên. Tri tuyên và thường từ chế làm tên. Phần nhiều nêu ra chỉ y theo trước đã nêu.

Chỉ dịch là trụ, hội thông trong luận Câu-xá nói tám giới đều thọ Bồ-tát hộ nên nói là tên. Tên là dùng để gọi. Kế dẫn rõ luận giới hộ, hai phần hội thông Câu-xá. Hai luận nói hộ, danh nghĩa có một ít giống. Bồ-tát là tiếng Hoa Phạm đều nêu, sự đồng mà tên khác.

Sau dẫn luật, trong luật có hai mươi điều-độ.

II. Điều-độ thuyết giới: Trong kỳ Ngũ Bách Kiết Tập (năm trăm vị kiết tập), ngài Ca-diếp trình bày, ngài Ưu-ba-ly kiết tập nên gọi là điều-độ Bồ-tát, tức “Tri” đã nêu trong phần thuyết giới ở trước. Sau gọi là Bồ-tát, trước xen nhau nêu nên gọi là Tức. Câu này chính là chỉ cho đồng mục lục ở thiên trước.

Hỏi: Bồ-tát dịch là thuyết giới phải không?

Vả lại, Bồ-tát dịch là Tịnh trụ.

Giới, tiếng Phạm là Thi-la, đã không phải đối phiên sao luật luận hai tên xen nhau hiển bày.

Hỏi: Vì sao không gọi là Bồ-tát chánh nghi?

Suy nghĩ sẽ hiểu (người học phần nhiều mê mờ nên phải phương tiện giải thích). Ý trình bày, trước tiên hiển bày lợi ích của giáo. Hai câu trên là nêu sự khen ngợi, hai câu dưới là giải thích thành. Câu trên y cứ thời gian để hiển bày công phu, chánh tượng ngữ lược), lý bao gồm phần sau. Tức ở sau chép: Vì sao biết Phật pháp tồn tại ở đời lâu dài, v.v... câu sau y cứ pháp rõ dụng để cùng vâng theo, thanh tịnh hòa hợp các pháp khác có thể thực hành. Sau nói nhiếp giáo lý căn bản của tăng.

Khoa kế, bốn câu đầu, trước chỉ bày tình kiến (mãn du yếm) ít người thực hành như kiết giới, thọ sám, v.v...

Thường tức nửa tháng thường làm như quả trách. Hai câu đầu bác bỏ khinh mạn, coi thường, bởi sau suy ra lý do. Nhiễm vì thường bị huân tập. Thường nghe: Vì một tháng nói hai lần, do đây sau kết khen ngợi.

Tình tức vọng duyên theo vật mà trôi lăn, ưa đây ghét kia, giàu ít nghèo nhiều, dựa vào một việc này đủ thấy được phàm tình. Vì thế nói rằng có thể biết. Lúc đó còn như vậy hướng chi ngày nay. Chùa tăng tuy nhiều nhưng thực hành càng ít, đâu có thực hành nhưng cách xử sự không đạt kết quả. Đâu chẳng phải nhờ tức nghiệp mà sinh vào thời này. Nhớ đến sự truyền bá của đạo mong muốn mọi người phải trân trọng cung kính.

Trong phần ba, đầu tiên là trình bày xưa, sau là hiển nay. Trong phần đầu nêu các bốn.

Tề tức Nam Tề, Tiêu Tử Lương, sinh vào thời vua Phong Cách Lãng, chết vào thời vua Ích Văn Tuyên.

Bồ-tát tại gia: Hoặc năm giới, tám giới hoặc giới Bồ-tát, văn này đã thất lạc không thể tìm được (có chỗ nói tức Tịnh Trụ Tử quyển 20).

Phổ Chiếu: Bộ Chỉ Quy chép: Tìm khắp trong truyện ký, hỏi thăm tên vị này, chưa biết vào thời đại nào.

Đạo An là vị cao tăng đời Tấn, lập ra khuôn phép cho tăng ni, có ba điều lệ:

- 1- Hành hương định ra pháp giảng trên tòa trên kinh.
- 2- Pháp thường ngày sáu thời hành đạo, ăn uống.
- 3- Các pháp bố-tát, sai sử, hối quá, v.v...

Các chùa viện trong nước đều y theo đây mà thực hành. Rộng trình bày đức nghiệp đầy đủ như Lương Truyền. Nhưng sau phê bình, suy xét, được mất, hai câu trên nêu xưa khác nhau, hai câu dưới hiển nay túng đoạt, ý hiểu liền đã biết. Tâm tướng tức xử sự.

Trong phần hiển nay nói ý kinh: Lời nói chung ba tạng đều được tên kinh. Sau dẫn văn các bộ luật, kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa (ví dụ như ở sau nói rằng: Văn kệ thanh tịnh trong các kinh tụng xuất xứ từ luật Tăng-kỳ tức gọi luật là kinh), v.v... đã nghe được tương truyền ở đời. Lại cho rằng đối với bốn trước chọn thứ lớp, tiết mục nối văn. Trong phần sinh khởi, trước nêu ý, vì thế trở xuống chỉ trước nêu sau. Gặp bốn làm khuyến khích. Trước dẫn khuyên cố gắng tức nói rằng phạm tình để có vô tướng, v.v... đã nêu ở trước.

Dẫn trong các văn, Luật Thiện Kiến chép: Hai câu trước Tỳ-kheo hỏi Phật, hai câu sau Phật trả lời. Già luận nói dứt ác. Trước nói các điều ác chỉ chung mười nghiệp, sau nói các phiền não không ngoài hai hoặc. Chữ thọ là viết sai, trong luận viết chữ ái, tức chỉ bày hoặc thể, kể nói về sinh thiện.

Bạch pháp (pháp thanh tịnh) chung cho phạm thánh. Phạm thì sự tịnh, Thánh thì lý hiển. Phạm hạnh rất ráo chỉ hạn cuộc ở bậc Thánh cùng tốt. Lại về sau tự mình phản tỉnh, phát lồ sám hối tức là thanh tịnh. Vì thế sau dẫn các luận để hiển bày.

Trong phần khai chương nêu phần tăng biệt hai vị khác nhau. Tăng là bốn người trở lên tác pháp tụng giới. Biệt tức là duyên khai, đối thủ tâm niệm chỉ can ngăn ba lần. Lại bốn môn sau, môn một và hai chung cho tăng biệt. Môn thứ tư chỉ hạn cuộc ở tăng. Môn thứ ba thông cuộc như đánh chuông, chúng nhóm họp đầy đủ. Chế chung một người phát thẻ thông báo chỉ hạn cuộc ở tăng mà thôi.

Trong thời tiết, khoa đầu, nếu kỳ hạn ba ngày thì các bộ chế chung và trước sau khi ăn cũng nêu trong luật Tăng-kỳ. Nay do ba ngày đều nêu ra trong luật Thập Tụng nên gồm nêu. Sau dẫn giải thích các văn. Sau hai ngày chỉ xuất xứ từ bốn tông, vì thế sau đều nêu trong luật Tứ Phần. Trong phần giải thích riêng, văn dẫn Tứ Phần nêu ra đồng, ngày Bố-tát dùng chung cả ba ngày.

Hỏi: Trong ba ngày, tùy ý BỐ-tát ngày nào cũng được phải không?

Đáp: Ở đời có nhiều tranh chấp chưa thuận với ý Tổ, nếu cho rằng dùng chung được thì trong Nghiệp Sở chép: Ngày 14 là ngày thuyết pháp truyền ba quy y, năm giới cấm cho người thế tục. Ngày 16 vì có nạn duyên nên khi khai cho kéo dài, vì thế chưa thể có tiêu chuẩn thường hằng. Nếu chỉ lấy ngày 15, thì trong văn Sở nói ba ngày đều được, tùy dụng được khai, ắt dùng hai ngày. Xét lại trong bảy pháp Phi, thì pháp Phi nào chung hai đều có ngại. Nhưng trong Sở vẫn chỉ sợ người đời thường dùng ngày khác, ý muốn lấy ngày 15 làm tiêu chuẩn nên phân riêng. Còn như có duyên dùng chung thì không gọi là phi pháp. Còn tự tứ tuy chung ba ngày mà trong lời sao thì lấy ngày 16 làm tiêu chuẩn. Phi nghĩa là ngày khác thì không được, có thể dùng thí dụ.

Luật Ngũ Phần thì nói khác.

Luật Tứ Phần dẫn văn này, muốn lấy ngày 15 làm tiêu chuẩn. Vì thế trong lời Sở chép: Hai ngày trước (14, 15) nói pháp, trao ba quy y năm giới cấm cho người tại gia, một ngày sau (16) vì chúng tăng tịnh tâm thuyết giới.

Trong tiết thứ hai đều để chia trước sau, vì thế trước sau đều chung. Sở dĩ không chọn ngày đêm vì đã chế sáng, trưa, tối có thể biết. Trong luật sợ minh tướng hiện nên cho lược thuyết giới, thì chung cho tối sáng. Trong thêm bớt, trước dẫn duyên khởi.

Nghiệp sở chép: ngoài giới đấu tranh không tự tiêu trừ, trở vào trong chúng thanh tịnh trần nhiễm nào nghi. Đức Phật khai cho, trước nói giảm bớt, do để tránh người vào giới, không đợi ngày 15 mà trước đó hai ngày nên nói bớt. Nhưng ngày 14 vốn là ngày chính cũng vì tránh duyên nên nhập vào ngày bớt. Như ngày 16 lùi lại ngày 15 thuyết giới, do đây ngày chánh không gọi là bớt. Nếu nói thêm sau, vì tránh người vào giới không được thuyết giới nên kéo dài qua nửa tháng thứ hai, cho nên nói là thêm.

Lại có bốn tiết. Đầu nói lập tức tạm tránh chưa cần phải thêm, khiến cho người vào tắm, chúng tăng ra khỏi giới khiến không thể biết. Nhược trở xuống là tăng lần thứ nhất.

Bạch tăng là tác pháp đơn bạch. Lại trở xuống tức là thêm lần thứ hai. Sở chép: hung ác chưa nhẫn, bốn giới chưa hòa, nên đến chỗ khác hưởng về đồng chúng thanh tịnh, v.v... cũng phải đơn bạch. Nếu khai cho đồng pháp, tâm vốn không hòa sợ phước bỏ việc chúng, vả lại khiến cho cùng làm nên gượng nói. Đây là bớt hai ngày, thêm cũng quá hai ngày

của tháng kế, thêm bớt đều hai, trong văn rất dễ biết.

Trong Xích Cổ: Y cứ vào luật Thiện Kiến và Thập Tụng có một thời gian văn trụ ở đời, chép: Không có tăng đến ba ngày, do quá ba ngày tháng kế không thuyết giới liền diệt. Ở đầu nêu khai chừng hạn của luật, xét lại không có ý khác, chỉ sợ việc làm của tăng bị đình chỉ hay phế bỏ mà thôi. Cũng ngăn sự nói lạm. Luật dẫn văn phá, trước hai văn bốn luật.

Câu-diệm-di, vì Tỳ-kheo đấu tranh nói Phật hiển pháp phi diệt, một nước có thể như vậy nhưng chẳng phải đều diệt. Tỳ-kheo Cao Thắng là môn sư của Trưởng giả, Trưởng giả khi qua đời giao kho báu cho và nói: Đợi hai đứa con ta lớn lên trao cho nó. Một hôm, giao kho báu cho người em, nên người anh oán trách bèn đến báo với A-nan. A-nan nghi ngờ, trải qua sáu kỳ bố-tát không cho đồng pháp. Sau A-nan hỏi Tỳ-kheo Cao Thắng, Cao Thắng trình bày đầy đủ ý của thầy. A-nan nói không phạm Đột-cát-la.

Kế dẫn trong luật Tăng-kỳ, tỳ-kheo ở thôn Phát-ca-la ganh tỵ với tỳ-kheo ở Lan-nhã có danh lợi, nên ngày 14 đến nói rằng ngày 15 thuyết giới, nhưng đợi kia đi rồi mới thuyết giới. Ngày hôm sau đến thì nói rằng đã thuyết giới rồi, ông mắc tội không bố-tát, ta không cho ông ăn, như vậy trải qua hai mươi năm. Vì thế nói chê bai oán trách nhau. Nhưng hai văn kia chẳng phải gọi là không thuyết, dùng đây chất vấn văn trước dường như không cùng loại.

Trong phi thời hòa hợp, trước dẫn duyên, tức ở nước Câu-diệm-di đấu tranh phá làm hai bộ, sau phi thời ở Xá-vệ hòa hợp nên Phật khai cho. Lời sơ nói hai chúng tâm thanh tịnh đồng tôn kính giáo pháp thanh tịnh, vì thuyết giới không đợi kỳ hạn. Về sau giải thích lý do. Trước trình bày nghĩa thêm, nay trình bày không hòa. Trở lại hiển cầu phải hòa hiển ý khai thuyết.

Không đồng kiến giới: Nhân tránh pháp tướng là kiến không đồng; phế bỏ việc bố-tát là giới không đồng.

Như giới hòa: Nói thông thọ tùy. Nay thuyết tùy thực hành thuyết giới để luận trong tạp pháp (Hữu bốn hoặc chữ vô giới), môn này dẫn rộng sự tương các pháp tạp hiển. Muốn hiển trở xuống làm khoa hành sự quy tắc ở khoa sau đều có y cứ. Trở xuống là điểm, trong tác tướng có văn chép: Bất thời nghĩa là không đồng thời. Chỉ thiên trước tức là đánh linh, đánh kiên-chùy, v.v... Phát thẻ: Khoa đầu dẫn văn luật Thập Tụng. Trước nói chung duyên khởi của hai chúng, sau nêu rộng chúng đồng lợi dưỡng. Nói không đến: Khi đang Yết-ma không có mặt trong

chúng. Luật Tứ Phần trở xuống kể là dẫn chứng. Trước dẫn bốn luật tức Sa-di pháp đồng, sau dẫn Niết-bàn nói Sa-di hình đồng. Khoa kể, trong luật Ngũ Phần trước là nêu khuôn phép.

Ngũ chỉ: Là năm ngón tay của người, đủ năm tấc. Nắm một khuỷu tay: Một thước tám (đuôi tay là hai thước) nhưng không rõ vật thể. Thời nay phần nhiều làm bằng cây tre. Khách đến nói hành pháp hòa hợp, tổng số là bao nhiêu.

Tam-trung là: Tiếng Phạm, y cứ vào thỉnh luận mà dịch.

Lời số chép: Tên Xá-la thảo, dùng làm thẻ tre để tính.

Rải hoa: Trong luật Ngũ Phần trước nói khai cho người thế tục. Tỳ-kheo không được tức nói ngăn người xuất gia (chế đạo). Cầu đầu ngăn tự rải. Trong luật, vì các Tỳ-kheo rải hoa lên các Tỳ-kheo ở trên tòa cao, cư sĩ thấy vậy chê trách rằng Tỳ-kheo giống như vua, quan lớn. Đức Phật do đây mà ngăn cấm. Như cư sĩ ngăn thọ nhận rải hoa, nghĩa là tuy cho thọ nhận nhưng không được để dính áo. Phủ bỏ: Trái tướng đạo. Trái tòa nên thấp cũng không cao quá: Tỳ-kheo ba lần khai tự rải. Trước ngăn cung kính người, ở đây khai cho ở chỗ nghiêm tịnh. Trước là văn dẫn, văn này chính dùng.

Trong tịnh thủy vật: Trước dẫn trong luật Tăng-kỳ, gồm ba tiết. Một là nói tịnh thủy (tay sạch), văn giống như sư thuyết giới, nay tức là làm thẻ.

Hương trấp dục (nước tắm thơm): Trước là tịnh thủy (nước sạch), đây tức là hương thang (nước nóng thơm).

Hai gồm tay sạch. Tụng trở xuống nói để thẻ. Đây khai một số giới đồng như trước. Câu văn tạp toái tức giới điều.

Nhiều bộ luận chép: Mười hai năm về trước nói chung một bài kệ, nay nói năm thiên, gọi là tạp toái. Năm trăm giới đối một bộ thì số gấp bội. Bảy trăm giới đối với hai bộ vẫn nhiều hơn một trăm. Đây gọi là đếm số thích nghi, không cần phải hạn định. Như trở xuống là nói cần phải đủ chúng. Ai đáp tức dự sai ba người, hoặc cho thí vật cần người chú nguyện. Trong luật Ngũ Phần thì nói Duy-na làm. Xứ này việc ít nên không làm. Trong Tứ Phần chúng đủ đồng như trên. Chỉ nói tuổi nhỏ lớn phân xử lên tòa để trách nhiệm, tôn ti không lẫn lộn.

Trong phần người pháp, khoa đầu trong luật Tăng-kỳ có bốn:

Đầu nói về pháp sở tụng, luật nêu số mục thực hành tức giới bốn.

Tụng hai bộ: Y cứ trong an cư, tức Luật sư thứ tư.

Hỏi: Tăng thuyết giới cho ni có lợi ích gì?



Đáp: Trong thể bốn thọ gồm phát được. Lại làm chỗ y chỉ cho nên phải có giáo thọ.

Nói người có thể tụng. Thượng tọa nói: Người có đức đáng được mọi người tôn kính nên ở pháp tòa nói lời thành thật để răn nhắc dạy dỗ, người nghe nương theo đó mà thực hành.

Đời nay phần nhiều đổi mới, trái với ý của giáo pháp, cao lạp ỷ thế không chịu tụng, đâu biết rằng đây là trách nhiệm quan trọng cho việc mở mang Phật pháp.

Sau là chọn thính chúng. Bộ kia cấm chung năm tên. Luật Tứ Phần nói được nhóm họp, vì trở về sau chúng có phạm kết chung. Đây tụng hai thầy chỉ giáo, không gọi là được nghe giới.

Hỏi: Bài kệ tựa giới bốn lệ tên ba thiên, chúng có được nghe không?

Đáp: Lược nêu tên chung không nói điều mục, vì thế như nói ngăn cung kính.

Hai câu trên răn dạy thính chúng.

Không che giấu: Nên khai cho người bệnh.

Không che vai: Nghi cung kính ở Tây Vực: xứ này không giống như vậy, nên chỉ bày làm thế, sau chỉ xướng pháp tức như trên đã nói.

Khoa kế, luật Ngũ Phần nói có bảy. Lựa người có đức lạp tụng giới, bình pháp chọn người có khả năng nhận lãnh, vì thế cần có hai người.

Lời sớ: Thượng tọa lớn tuổi (già cả) bình ngự là khó. Y cứ văn răn dè đồng với khi Phật còn tại thế. Nay thì tuổi nhỏ tụng giới, Thượng tọa làm Yết-ma đều trái nhau. Nếu bậc cao tọa đó thông suốt phải trái, y luật sư bình bạch ắt có nghi, cần phải lựa chọn người có khả năng kham nhận, không hẳn phải là Thượng tọa.

Thuyết giới ngăn người đã nghe, tương ngạo mạn rất nhiều, vả lại lệ bảy lớp đều phạm nghiêm hình thế mà còn có người không sợ.

Luật sư Trí Thủ mỗi khi sắp thuyết giới quỳ chấp tay, Pháp sư Ngô Ấn song tự cảm, đều đến hết.

Tăng truyện chép: Kẻ hạ ngu ngời chung, cùng nghe còn không khỏi tội, do đâu mà được lợi ích. Xin nói rõ lời răn của Phật, còn không tự phản tỉnh được điều sai, Thượng tọa bỏ quên.

Nếu nói đổi ngày, nghĩa là trong ba ngày.

Nói làm pháp khác, nói nghi thuyết giới, còn nói ba ngày chỗ làm khác nhau. Dưới dẫn luật Tứ Phần để nêu các bộ khác.

Luật chép: Các Tỳ-kheo muốn nói pháp bằng giọng ca vịnh, Đức



Phật cho phép, sau có một Tỳ-kheo cao giọng ca để nói pháp, Đức Phật nghe rồi bảo rằng: Ông chớ nói pháp như vậy, cho đến cao giọng ca vịnh nói pháp có năm lỗi:

- 1/ Tự mình sinh tâm mê đắm âm thanh.
- 2/ Khiến cho người khác nghe sinh tâm mê đắm âm thanh.
- 3/ Khiến cho người nghe có thói quen học theo.
- 4/ Người thế tục sinh tâm kiêu mạn không cung kính.
- 5/ Chỗ thanh tịnh tư duy nghe giọng ca này chỉ duyên âm thanh dễ làm loạn việc ngồi thiền.

Vì thế bốn tông cũng không cho phép. Nay không dám phớt bỏ ý chỉ của giáo pháp. Tức nghĩa Luật sư thứ tư trong phần tụng tựa. (Thời nay tụng lồng âm thanh, câu văn không rõ, người không thích nghe, lại sinh tâm khinh thường, chớ đâu phải chỉ có năm lỗi. Y theo văn này tự nói là thiện thì không có lỗi sai, tùy dùng cả hai đều được).

Trong phần ba, trước ngăn người biết pháp cúng dường, nói dạy tụng học trước.

Trong đầu ba chánh nói nghi nêu bày chung. Trước nói chung, dùng bộ khác, sau dẫn luật Ngũ Phần, luật Tăng-kỳ và kinh A-hàm, Hoa Nghiêm và nói y cứ bốn xưa, theo đây lẽ ra có nhiều bốn.

Hai thầy lớn nhất làm giếng mối, tức các kệ không nêu kinh luật này, nhưng sự còn phức tạp sai sót, chẳng phải hoàn toàn nên nói: Khác thì đồng.

Ba câu trong phần đầu, trước nói nơi chốn, sắp xếp giường tòa. Hai câu đầu là phán định, nói cho phép là y cứ theo Trung quốc, sau nêu bày cõi nước khác nhau.

Trung quốc dùng giường: như giới mở trái v.v...

Loại tức lệ, tiếp ở dưới mà đọc.

Cổ: Ở đây là nói thời Tây Tấn, Ngũ phẩm về trước và quan trọng một châu được ngồi. Đại phu là Thượng đại phu, trung hạ đại phu cũng không được.

Đều ngồi dưới đất: Lẽ xưa đều như vậy. Đến nay ở Bắc Tấn vẫn còn. Cho đến đời Tấn, Thất-la nổi loạn đến Đông Tấn hạn chế không cho phép nên chung cả thứ dân (dân thường). Nay ba sau bình phẩm không thể được. Hai câu đầu chỉ thời gian dùng, sau cũng cho phép, nhưng rồi hạ đoạ.

Nói không tiện; hoặc do ngồi đứng trái nhau khó biết, hoặc quỳ nhận thề, sự cần phải lớn nhỏ. Nay phần nhiều quỳ trên giường. Hoàn toàn không phải là nghi cung kính, thường thấy các ngu tăng nghiêng

mình đứng dựa, chống cao một đầu gối nhận thể, việc này trái với quy tắc, hổ thẹn đến như vậy.

Vì thế, Trong Tỳ-kheo-ni Sao nói vào giảng đường rồi liền khiển trách lễ Phật trên giường, cũng là ý này. Tùy có dặn dò suy tính, nhưng trong phải giải thích tương.

Chỗ đất thấp, ẩm ướt cho để giường làm lễ nhưng chỉ cao tám tấc, chỗ khác thì không cho. Duyên này không thể nhất định, vì thế cho tùy chỗ.

Trong phần chúng đầy đủ y theo trước: Tức trong luật Tăng-kỳ, Tứ Phần.

Trong phần cáo bạch cho phép lược pháp khiến cho bạch vào thời tiểu thực.

Thượng tọa bạch: Văn luật chánh chế, nay đương thời thực hành khiến cho phép dùng. thời nay Duy-na bạch rồi, Thượng tọa y cứ trong phần lược pháp, vẫn lại thêm phần khuyến khích, cũng có thể cho phép thực hành. Nhưng lời sách tấn chúng phải tùy cơ kích động thời tình, không cần phải cần trọng.

Giềng mỗi của tăng: Trước nói mỗi sáng nói, khiến cho biết xem xét tăng chúng. Đích thân vị Thượng tọa xem xét việc làm v.v...

Trong phần nhóm tăng, khoa trước nói nhóm hết, không hạn cuộc v.v... tức lớn nhỏ đồng thực hành pháp. Sau y cứ hai chỗ tập trung tức pháp riêng. Cả hai nói tương kia khiến cho thông hiểu, cũng như nói xem xét.

Khoa kệ, trước nói chỗ tập trung: Tức ở ngoài giảng đường đi đứng nên nói bài kệ, tức đại chúng đồng tiếng nói đó. Như chép: người đánh chuông nói đều đã trình bày ở trước, đâu đợi tập trung đến trước giảng đường mới cho nói ư?

Lại trong Nghiệp Sở chép: Luật cho tịnh nhân cựa trụ đánh: Đây gọi là tăng pháp chế, chẳng phải là cụ đạo làm, ắt không phải hai người, sai tịnh nhân nói lợi ích.

Lại trong văn nói nghe kệ chuông, đâu có thể tánh? (có người cầm. Duyên khởi là A-nan khi đánh tiếng chuông. Nói kệ rằng: Đây là người đánh nói, lại đổi chữ Văn thành chữ Manh).

Phá hạ, từ trong các kệ nương nhau không phải, người tuy tụng nhưng phần nhiều không rõ lý văn, lược soạn khoa giải thích.

Hai kệ nghe chuông, kệ đầu nói sự dùng, kệ sau nói thời gian.

Trong kệ đầu, nửa trước nói công, nửa sau hiển bày dụng.

Bốn ma quá mạnh có thể chướng thiện đạo, vì thế nói có sức. Dục

xâm hại nhau nên nói như oán.

Kiết là kiến hoặc tư hoặc trong ba cõi.

Tận vô dư là cực quả vô học. Câu trên nói nhân cầu, câu dưới nói quả chứng.

Trọng kệ sau, nửa trước nói ý sở lập, nửa sau nói nguyện năng lập. Người nghe pháp gồm cả Thánh phàm.

Nhóm họp là dụ như đi đến.

Vào trong giảng đường, trước nêu bày nghi thức, có ba:

1- Lễ kính

2- Nói kệ

3- Ngồi.

Trong kệ, nửa bài trước nói tự thực hành thành tựu, một câu kết nói chúng thực hành không trái, câu cuối nói đủ hai chúng mới thành pháp sự.

Trong tự thực hành, câu trên thọ lễ không thiếu.

Câu tùy hành không phạm (chữ đại chúng có bốn ghi thanh tịnh. Như kế răn dạy sám hối, như trên tức trong phần tạp pháp).

Cực giáo: Nếu lấy chỗ sâu xa của sự ngăn cấm thì chỉ văn luật, nếu y cứ chỗ chung cực của giáo lý thì chỉ cho Niết-bàn.

Luật kia chép: Ta không diệt độ, nửa tháng đến một lần dặn dò. Đây là lời dặn dò dạy bảo của Đức Phật.

Nói căn bản: Các pháp sự khác đều là những điều phụ. Có người đối với đây vọng lập kệ hoan hỷ như nói biểu tịnh ở bài kệ trước đã đầy đủ, nhọc gì phải nói lại. Hoặc trình bày lỗi có phạm, tự phải phát lồ sám hối, đâu chỉ xin tăng vui mừng mà thôi. Tập tục sâu dầy can ngăn không bỏ, không biết cải thiện, thật chưa thấy có người đó.

Thứ năm và thứ hai ở trước xen nhau do trước y cứ vào dự biện. Nay, chúng tập trung mới dẫn vào giảng đường, hữu đồng trì hiến), mới họp với khoa kế, thì không trùng lặp. Trong đây không phải như vậy phần nhiều là dự an, nên khó thông hiểu. Sau lại nói rõ để vật ngồi dưới đất, đây là chiếu để chúng ngồi. Trong tăng thiết lập là nói sau an.

Sáu là nói về hành sự: Trong quán lạc, trước nói xuất chúng.

Năm người: Nay thì một người Duy-na làm thẻ xướng cáo, bốn người cùng giúp việc nước nóng, v.v...

Đủ oai nghi, nghĩa là khoan thai kính cẩn, không cần phải thiết lễ (thời này xuất chúng đều lễ ba lạy trở lại tòa ngồi rồi đến lấy vật, đều không phải là nghi chính).

Duy-na tay sạch cầm: Thượng tọa rửa tay y theo văn, Duy-na làm

đó. Nay phần nhiều tuổi nhỏ nghĩa cũng không rõ ràng. Thượng tọa rửa thể, đều nói kệ nghĩa là cả chúng đồng âm, nay do Duy-na xướng việc thay đổi.

Trong bài kệ, nửa trước Thánh phạm hòa hợp, nói chỗ tập trung, nửa sau pháp sự lợi sinh chỉ bày việc làm.

Duy-na tự rửa: Trong Tỳ-kheo Ni-sao nói Thời nay phần nhiều Thượng tọa rửa thể, ở đây không phải là nghi cung kính. Y cứ theo lý thì tuổi nhỏ thay thế rửa không tội, nay cho phép dùng.

Trong phần hành thủy, khiến nhờ tuổi nhỏ: Nay tìm hai người lo việc nước nóng này, hai người lo việc giặt khăn sạch. Văn kệ, câu trên khen công đức của nước.

- 1- Thanh tịnh
- 2- Không hôi dơ
- 3- Nhẹ
- 4- Mát
- 5- Mềm mại
- 6- Ngon ngọt
- 7- Uống vào được điều hòa.
- 8- Uống vào không bị bệnh.

Câu kệ hiển bày sự dùng. Bên ngoài thì đức của nước dùng để rửa sạch như uế, bên trong thì nước để rửa sạch tâm trần (tâm dơ uế). Câu ba tự mình thực hành, câu cuối giáo hóa người khác đồng như mình. Quán công ngoạn phẩm, trong phần giặt khăn hai tay là nói thuận tiện và dưới nhân đổ nước nóng vào khăn, đồng với pháp trên.

Trong bài kệ nước nóng: Câu đầu nói sự dụng, đã nhờ sự nêu pháp để lập lời thệ. Hai câu kệ nói quả đức lâu xa, câu trên nói pháp thân gồm đủ hai điều lý và sự, một câu hai đức có thể hiểu, câu cuối là nhiếp sinh.

Đồng thể là hai lợi tự, tha. Hội tức chứng.

Pháp giới khác nhau đồng quy về một thể nên gọi là Dung.

Lại giải: Nước sạch (tịnh thủy) tiêu biểu cho dứt ác, lại làm nhân hạnh; nước thơm tiêu biểu cho tu thiện, nêu cầu quả đức, nhân trước quả sau đều gồm lợi sinh.

Chỉ nói kệ: Đời có người làm bậy nên đặc biệt chọn lựa.

Trong phần khiển trách sai: do người xưa khi tụng kinh pháp phải dùng nước nóng thơm súc miệng, đời sau truyền lầm, bèn đến ngày bố-tát, có người thường dùng.

Tỳ-kheo-ni Sao nói: Khi lấy nước nóng thơm không được súc

miệng nhỏ xuống đất, thường thấy nên đánh dấu.

Trong phần xương pháp tạ thanh chỉ thiên tạp hạnh. Kia nói về thủ phóng đều phải ăn khớp nhau không được trùng âm, v.v...

Trong phần chánh thức nói, đầu tiên là văn hỏi giám hộ: y theo phần bốn tông ở trước, trong văn tuổi nhỏ giải thích đầy đủ, tuy trước đã sai phải bạch chúng, chú thích thiên hộ nói thông trước sau. Thời nay phần nhiều gọi thấu trừ là sai, có bộ san bổ ghi rườm rà này.

Lời chú rằng: Văn trên đầy đủ: thông câu thấu hộ.

Thứ hai gọi tập ghi là y theo văn luật xem xét.

Trong phần khiển trách khác, khoa đầu trước nêu xưa, giải thích hạn cuộc, y cứ chỉ bày này giải chung, văn nói rằng hiền thánh lại gồm cả phạm phu. Khoa kế trước nêu xưa là sai.

Trước thêm: Nghĩa là trong phần triệu tập ở trước cũng như trước nói Đại đức tăng xin lắng nghe. Bộ Tử Phần y theo bốn tông mà bỏ bớt. Thuyết giới tự xương tức vấn hòa chọn chúng. Y cứ bộ khác có thể còn.

Ba luật, Ngũ Phần, Thập Tụng đều đồng, vì thế đã xương rồi, nên biết trước đã sai khiến.

Khoa sau, trước lựa chọn để nêu bày lý, có hai:

Một nói không hợp với lời xương trước, hoặc nói rằng không đúng phép tắc. Trước nói y theo văn luật răn dạy. Lấy trong San bổ là các văn này.

Trong phần bạch chúng, trước là hai lần bạch trước, lại xương chưa đầy đủ: Một là khiến cho biết pháp xưa, hai là gồm giúp tông khác, chính là nêu bày cho đến làm. Không có các nạn là tám nạn duyên khác. Xương tên rồi: khiến cho chúng biết. Tức trong luật Tăng-kỳ chép: Ai nêu hành trừ, tăng phải xin thọ thẻ.

Nói đúng pháp: Trước, trong luật Tăng-kỳ khiến cởi giày dép vén y bày vai phải, v.v... Cho nên dặn thọ người tức dữ dục là vì người khác truyền dục, phải nhận thẻ thế, nay người không biết, phần nhiều không làm.

Trong phần Đại tăng trừ, khoa đầu có ba:

1- Đầy đủ oai nghi.

2- Nói bài kệ.

3- Nói lên sự cung kính.

[Hàng 20, ô1 trang 235)

Trong bài kệ, nửa trước là khen kia khó được, nửa sau là mừng kia đã được. Câu đầu tức ba đức. Kim cương dụ cho pháp thân vô ngại, tức

Bát-nhã, cũng tức là nương sự để nêu pháp ít có; Câu kế tức hai nạn.

Đặc thân ngộ sơ: Ngộ là không hẳn đều được; đặc là phải do ngộ, nên cả hai đều nói.

Như quả nay là khắc phục làm dụ. Trong Tịnh Tâm Quán chép rằng: Trong muôn loài, thân người là khó được. Như đề nghĩa là kinh nói nay được thân người là khó, như rùa mà gặp bông cây nổi.

Trong nửa bài kệ kế, câu trên nói đầu đội là thân, vui mừng là ý, miệng nói câu kệ, ba nghiệp đầy đủ, tức tự lợi, câu sau nhiếp sinh. Kệ hoàn thể, câu đầu thọ tùy không hủy có thể cầm thể, câu kế nạp thể vào trở lại chọn thể tịnh. Vững chắc đối thọ tức nêu bày trì giới, hỷ xả đối hoàn tức bố thí.

Lời sơ chép: Không trộm cắp tức bố thí tài, không sát sinh tức bố thí vô úy, hoặc có thể bốn tâm vô lượng lược nêu hai tâm. Trong từ bi, nghĩa thấy ở câu sau. Trong không phục tòng đều phải quỳ đến kệ truyền hương rồi mới ngồi nghe giới. Biếng nhạc giải đãi bị đọa ắt khó nương. Vả lại, y cứ vào lúc nhận thể nhất định phải vâng theo pháp để khích lệ mình thực hành. Trong phần nạp thể y cứ văn Thượng tọa thường biết, nay phần nhiều thâu với để báo số, lý cũng chung được. Nay Thượng tọa kiểm số, hoàn toàn không thể nương vào lời khác.

Trong Sa-di trừ chung bốn lời xướng trước và phải nói ba lần. Đời nay, một lần xướng rồi sau ba lần xướng tức ba lần nói. Đây chẳng phải là chánh pháp mà xuất xứ từ kẻ ngu tình. Hoặc sợ kéo dài thời gian cho phép các lần xướng sau có thể một lần nói (xướng). Đây là pháp cáo (bạch) chúng không giống như pháp Yết-ma ba lần (bạch tứ Yết-ma) và Yết-ma một lần (bạch nhị Yết-ma) thường định, đơn bạch cũng không hại gì. Vì sợ có đại tăng truyền dục Sa-di nên phải bảo hời. Đây nghĩa là giới không đồng loại nên khai đó mà thôi.

Trong phần sáu lấy số, văn đầu rất dễ hiểu, khoa kế xướng pháp y theo bộ Ngũ Phần ở trước. Trước bảo nhân số thượng hạ, kế nói việc làm, Quốc vương, cha mẹ, sư tăng, đàn việt là bốn ân. Tâm nương trong sắc gọi là hàm thức, gồm thâu chúng sinh hiện tượng trong sáu đường. Điều tụng kệ nói lên hạnh thanh tịnh. Trong kinh là tên kinh tuy thông, nay nếu xướng thời nghi thì gọi là trong luật.

Luật Tăng-kỳ, nói nhân Điều-đạt phá tăng tự thuyết giới, Đức Như lai nghe liền nói kệ này, bảo A-nan rằng chúng phi pháp đã bố-tát, nửa bài kệ trước Đức Phật ngăn chế. Câu trên tu thực hành, câu dưới chúng pháp. Nửa bài kệ sau bày hợp số, ứng dụng đúng, hoặc có thể bỏ đi, tiểu chúng riêng hành pháp Sa-di tập trung tự làm thể, đã sắp giao

trong tăng, đều hợp xứng.

Trong phần bảy thỉnh sư, trước nói Phật dạy, tức văn Ngũ Phần ở trước, khoa kế, phần đầu thứ ba thỉnh Thượng tọa. Trước nói Duy-na thỉnh, sau Thượng tọa đáp, có thể hay không thể hai lần đáp thư trong văn. Xuất xứ từ “Từ lâm cơ tài độ”. Nay phần nhiều tụng là tuổi nhỏ mạnh khỏe cũng xưng già bệnh, thật là không nên. Tức trở xuống lần thứ hai thỉnh thứ tọa, nếu từ chối thì lần thứ ba có thể sai: Trước dự nói lại nghi, đây là thường viết.

Trong phần ba, trước nói đến báo, kế chỉ bày hai tòa, khác thì không cần hỏi. Theo trong Tăng-kỳ, trước nói hoặc Thượng tọa hoặc thứ tọa nên tụng, v.v...

Trong phần bốn, cúi đầu tức là nói cúi đầu sát đất.

Hòa Nam Tây Ngữ nêu ra cốt yếu luật nghi dịch là cung kính.

Trong phần cung kính, văn trước không cao tòa, chỗ giới sư ngồi. Thánh tăng là người truyền lời dạy của Đức Phật, để Thánh phàm đồng bảm thọ theo, cũng dự như người sứ nhân sắc lệnh của vua, dù trăm quan tuy quý nhưng ai dám khinh? Khoa kế, gồm nêu sự nghi.

Tiểu là cúng dường, vả lại y cứ vào xuất gia nên đây nêu trước. Nếu nói về hành sự như sau sẽ nói rõ. Nếu giải thích riêng tiếng Phạm, trước dẫn chỗ y cứ, nêu danh nghĩa. Hai chữ như thử là chỉ tiếng Phạm, hoặc dư chữ như không rõ chỗ nào.

Chữ Bệ cả hai đều dịch tên kia, giải thích riêng nghĩa đoạn, dùng ý để dứt duyên bên ngoài, tức y cứ nội tâm thì có khác nhau. Trong phần ba, trước sái tán thuận sau sái tán nghịch. Khước hình tức quay lại (lùi lại). Sau nêu ra chữ câu hợp ở phần đã nói trước. Đức Phật ở tại điện Phổ Quang Minh giảng kinh đó, kệ khen Bồ-tát, nửa trước chỉ sự dụng, nửa sau nêu bày việc đã làm. Trong phần bốn, trước nêu chánh nghi. Ba là niệm hương cúng dường Tam bảo. Hương về Thượng tọa là tiêu biểu; sau nói kệ. Trước Duy-na xứng, nay chỉ cho điều nêu ra.

Chỉ quảng: Văn này đã mất không thể tìm được, trở xuống dẫn kệ, nửa trên nói người cúng dường (năng cúng), nửa dưới nói người được cúng dường (sở cúng). Trong nửa trên, câu trước nường việc dâng hương đó tức nêu pháp cúng dường. Tuệ hương và tri kiến giải thoát gồm thân, đây là năm phần đầy đủ (hương giới, hương định, hương tuệ, hương giải thoát, hương giải thoát tri kiến).

Thứ bảy nói: Câu không thể vọng thân (do tuệ được giải thoát, do giải thoát có tri kiến, nêu giữa tức gần trước sau).

Trong phần được cúng dường (sở cúng), câu trước nói thượng cầu,



câu sau nói hạ hóa. Niết-bàn tức vắng lặng, là quả đức. Duy-na nói phục vị có thể thấy.

Trong phần hỏi duyên, văn trước nói y cứ trên, tức phần tạp pháp ở trước, hoặc khiến cho cung kính hoặc khiến cho nghe thẳng, hoặc không lầm lộn, v.v... (có bốn y cứ thượng hạ thêm chữ Pháp), hoặc có thể chỉ tựa giới bốn ở trước; văn sau chỉ cho pháp khác nhau. Kia nói các pháp lễ tăng quỳ, Thượng tọa răn dạy: đây là nói chọn chúng. Chẳng những Sa-di, hoặc ni, ba chúng tục sĩ chiêm lễ đều phải khiến xuất. Và mười ba việc, ba cử, hai diệt có phạm, v.v... nói về ba căn.

Quý cũng cầu giảng luyện, hoặc khiến người không biết pháp phát lồ sám hối. Chỉ sai Sa-di, cư sĩ từng thính tạp uế, cùng nghe pháp luật sai trái rất khinh dễ.

Trong phần hai, nếu có nói thì đáp rằng thuyết dục và thanh tịnh. Trong phần ba lời triệu hỏi. Nếu y cứ giới bốn xưa nói rằng chúng Tỳ-kheo-ni sai người nào đến? (236) Nay y cứ giới bốn xưa của Quang sư mà hỏi. Chữ thù cũng tức gọi ni chúng. Trong phần lược pháp, khoa đầu pháp nghi có thể hiểu, khoa kế ni chúng quỳ, tăng thay nhau quỳ. Như Tam Thiên oai nghi, kinh Viên Giác, v.v... đều nói quỳ thẳng, há chỉ có ni ư? (Xưa nói quỳ thẳng, tiêu biểu cho ni là lầm).

Nói biệt đức là dạy ni phải có mười tính chất tốt.

- 1- Có hạnh trì giới.
- 2- Học rộng.
- 3- Tụng hai bộ giới bốn lan lợi.
- 4- Quyết đoán vô ngại
- 5- Khéo léo nói pháp.
- 6- Dòng họ xuất gia.
- 7- Dung mạo khôi ngô.
- 8- Có thể vì ni chúng nói pháp, khiến ni vui mừng.
- 9- Không được đầu Phật xuất gia, đắp ba y mà phạm tội trọng.
- 10- Hai mươi hạ hoặc hơn.

(Thứ 8, 10 tuy hạn cuộc dạy ni gọi là đức riêng, còn lại gọi là đức chung).

Trong phần ba, trước lãnh thọ lời dặn dò, lại bạch Thượng tọa chánh nêu ra pháp đáp.

Lời sở chép: Do thấy người không học thức tuổi cao tòa thủ, không phép tắc, không sai ni, lại không đối đáp [hàng 11, ô1 236] người học thức đều hổ thẹn nên dẫn đó, trước khen ngợi đại chúng.

Hà thí là nói đức có dư, trở xuống khiến truyền lược giáo, trong

lời chú giải, đầu là chỉ bày trước, còn lại là chỉ sau. Tức trong thiên của ni lại dẫn văn các bộ Thiện Kiến, Thập Tụng, Tăng-kỳ, v.v... tìm đó sẽ thấy.

Trong phần pháp nói rộng thời gian ít có: Trong thiên của ni nói do đức rộng khó đầy đủ.

Trong sự tông, khoa trước văn chú giải khiến trách Yết-ma xưa. Nói thông dụng là hai tên không khác nên không rõ. Kia, đây là tiếng Hoa tiếng Phạm đều nêu, cho nên trong thiên Yết-ma nói, không được khiến trách sai, trong văn sẽ thấy. Khoa kế, trước là lời văn dạy, chỉ bày khuyên quy y. Luật nghi tức chỉ cho lời răn dạy ở trên nên sau chỉ chứng.

Vân vân: Là quyển 34, do khi bố-tát A-nan không đến, sau đến rồi liền bỏ chúng đi, mọi người đều không biết. Do đó, bạch Đức Phật chế pháp Thượng tọa. Nên biết ngày 14, 15 bố-tát hoặc tối hoặc sáng, hoặc phải biết chỗ, hoặc ở trong thất, giảng đường, rừng. Lại phải biết tụng năm thiên giới cho đến bốn việc và bài kệ, còn những điều khác tăng thường nghe. Nên sai người xướng thời, xử trước nên sai người quét dọn, ai nêu chú nguyện hành trì (ở đây chế biết thuyết giới). Lại nên biết khi thuyết giới, đàn việt đến thì phải nói pháp cho họ nghe, cùng nhau an ủi thăm hỏi (đây chế biết thuyết giới), cho đến Thượng tọa thứ hai cũng vậy. Rộng ghi trong văn đó.

Mười thuyết đã xong, khoa đầu lại đánh chuông vì không có tiểu chúng, cũng không cần tiểu chúng.

Hoặc nói tiếng Phạm, tức hai câu kệ sau ở cuối bài tựa giới.

Thần tiên có năm thần thông là người làm ra chú thuật (đây là nêu thế gian để dụ). Vì kia hổ thẹn là nhiếp các người không biết hổ thẹn (thiện nhiếp ác).

Như lai lập giới cấm nửa tháng tụng một lần (hợp với dụ trên) đã nói lợi ích của giới. Cúi đầu lễ Chư Phật (là hồi hướng quy kính).

Tỳ-kheo-ni Sao: Nếu không hiểu, cũng được nói lý do, vì việc dừng nghỉ ở trước. Kia trở xuống nhân chỉ bày lời chúc tụng ở trước, tức hai kệ đầu trong bài tựa.

Cúi đầu lễ Chư Phật và pháp, Tỳ-kheo tăng (quy kính Tam bảo).

Nay nói pháp Tỳ-ni, khiến chánh pháp còn mãi (nói rõ bổn ý của câu quy kính trên).

Ưu-ba-ly là Thượng thủ và các thân chứng khác (nêu chúng kết tập để làm chứng tín).

Nay nói yếu nghĩa giới, các hiền cùng chung nghe (nêu việc răn

day chúng). Phần nhiều thấy văn tụng sai lầm. Lại không hiểu nghĩa lược làm chú giải. Luật chế không được chúc tụng một nửa. Nay hoặc chỉ tụng Ưu-ba-ly trở xuống một câu, đây chính là trái với pháp luật. Tuy không phải là tai hại lớn nhưng đâu khỏi không biết (nhưng cũng cần phải biết).

Trong phần hai.

Ba câu trên trong phần ba vui thích gặp Tam bảo, câu sau cứu khổ chúng sinh. Phần bốn đều nói khoan khoái tức là vui. Gặp Phật rất khó nên nói bậc nhất. Được nghe chánh pháp, gần thì gần được ba đường, xa thì rõ được hai món sinh tử, nên nói an ổn, sự hòa vô tranh: Gồm lý bình đẳng nên nói vắng lặng. Ba câu trên là tự mình vui, một câu dưới là người khác vui, tức là hai lợi. Chữ an vui trong Tỳ-kheo-ni Sao là giải thoát, thêm vào khiến cho lễ tán. Tỳ-kheo-ni Sao lại thêm hổ thẹn, nay phải y theo mà dùng. Từ trên đến đây mười hành sự đều y cứ theo chánh văn. Huống chi kinh Phật nghiên cứu rõ ràng, nay các luật tự sửa đổi, chấp sai cho là đúng, đúng cho là sai. Đây là do không tìm xét kỹ càng, lại từ vô minh thức hoặc phần nhiều khinh thường phước bỏ không thực hành. Dầu có thực hành nhưng việc làm đó như thời khóa nhằm chán. Duyên trần đáng bỏ lại không nản mà còn hăm hở, chánh pháp đáng tôn kính thì lại sinh tâm lơ là. Dây nghiệp càng chắc thì biển khổ càng rộng, táng mất tánh linh thiêng, thật đáng thương xót.

Trong tạp tướng trước nêu hành sự, lại y cứ một đường, việc khởi nắm chắc thời cơ cần gì thuật hết. Lược thì thiếu, thêm vào thì nhiều. Đây là tổng quát các khoa khác nhau ở sau. Ý thuật tất trong văn sẽ thấy.

Trong phần cáo tịnh chỉ dựa theo ba câu hỏi sau trong tựa văn xuôi để làm phần chững. Đầu là trước hỏi không đáp, sau là tự hỏi. Trở xuống nói: Hỏi sau phải đáp. Lại trong phần ba, trước ngăn cản thuyết giới, giới sử tự dừng, nghĩa là người biết pháp không cần phải quở trách. Nghĩa là người mê giáo đọi nói cáo tịnh, đọi ngồi, tự ngữ chung trước sau. Y cứ theo nghĩa thì nối tiếp phần trên là tốt, y cứ vào câu thì một dưới là thuận tiện rõ ràng.

Một người bảo: Vì sợ trở ngại tăng. Nếu có trở xuống là nói phát lộ.

Theo thứ lớp nói: Tiếp phần chỉ xứ ở trước. Cho phép ở đây không nói hòa lại. Do trình bày tịnh nhân ngồi tòa thân tướng đã bày. Thời nay có thực hành lược hòa, chưa thấy nêu ra. Trong khoa kế phần nhiều giống nhau. Cần nói lại: Chế chủ theo khách, nếu ít thì không cần, hoặc

ra ngoài giới nói, hoặc đến chùa khác, Chế khách theo chủ, đây nếu nói rồi thì thôi, chưa thì tùy người đến bảo thanh tịnh rồi cùng nghe, không nhọc gì phải nói giới lại (khoa trước nói khách theo chủ là sai). Như tên khác pháp trị tội Đột-cát-la.

Trong phần ba đối phạm không nói, đây là ngăn giới sử. Hoặc khiến cho phát lộ sám hối hoặc gia trị đuổi đi. Việc làm phải nắm chắc thời cơ. Như có Tỳ-kheo phạm tội trộm cắp, Đức Phật không thuyết giới, song Phật ban đầu tự nói chúng thanh tịnh, quyết không có người che giấu. Nếu có thì sẽ bị năm trăm vị thần Kim cương cầm chày đập vào đầu người đó. Giao đệ tử thì không tịnh uest, cho nên biết phải y cứ ba căn không lạm, có thể đáp, tức đồng với luật luận.

Trong phần bốn gồm các phần đã nêu như nói là: Chùa nào đó, ni chúng ở chùa đó hòa hợp, tăng sai Tỳ-kheo-ni nào đó, sau tổng kết mỗi nửa tháng.

Trong phần năm nói người này tức nói người gần tòa cao. bỏ chữ linh, nghĩa là ngôn giáo. Y theo đây, trước phải dặn dò một người, không ngăn lỗi, nay phạm nhiều lỗi này, cần phải cẩn thận.

Trong phần sáu, văn trước thuyết giới bản chế. Cuối cùng không thể được mới tụng kinh pháp.

Lời sơ chép: Sở dĩ thứ lớp là vì giới chế, phụ tướng thiết yếu dễ trì. Kinh thọ tâm thức nương gá hư không khó nhiếp nên tùy thời mà chế. Kinh tụng không thứ lớp đều đến mục đích kia.

Trong văn ba vị: Trước là tụng kinh pháp, lời thông suốt không trúc trắc, nhưng phải có hạnh môn nền nếp răn dạy những điều thiết yếu, phù hợp với thực dụng ngày nay nên nói rằng những lời răn dạy khác. Nay trong tạng lược lời răn dạy cũng có thể nương lời tụng (xưa nói ba ngàn oai nghi: Văn rườm sự toái, do đâu có thể tụng. Lại nói quyển sau khiến tụng kinh Thắng=man để rõ thường thời thọ trì, chẳng phải khi thuyết giới mới tụng). Như hoàn toàn thứ lớp khiến nói kệ tức lược lời dạy của ngài Ca-diếp.

Lời chú giải chỉ bày giải thích kinh A-hàm, quyển hạ dẫn rằng: câu trên giới đầy đủ hạnh thanh bạch, câu kế tâm ý thanh tịnh, câu ba trừ tà điên đảo, câu cuối diệt tướng ngu hoặc. Như phần sau không lược lời răn dạy, đây nói ý luật chưa chắc ngu muội mà đến nổi như vậy. Muốn rõ bốn nhiếp tăng trụ trì, cốt yếu không phớt bỏ nên phương tiện chỉ bày.

Khoa kế, trước hiển bày lợi ích sâu xa. Phật dặn dò tức chế pháp sau khiến trách người đời không thực hành. Trước chỉ bày không nhiễm,

sau nêu lỗi thức ô nhiễm là nguồn gốc của sự khinh khi chánh pháp. Do nhiễm đời không nghe chánh pháp, đã mờ tối. Huống chi khởi tâm khinh khi lại vờ lấy tội lỗi, muốn cho trở lại bản tánh có thể được chăng? Đối với chưa từng nếm mùi vị, lại chứa điều ác càng sâu, thì cách đạo càng xa.

Đại pháp là nói chung giáo pháp của Phật.

Xuất gia không có lợi ích: Vì trái với bốn ý.

Miệng trở xuống là quả trách lời nói và việc trái nhau, thầy trò dứt nghĩa, theo ngoại đạo cũng chẳng nên hay sao?

Trong Cao tăng Truyện chép: Đời Tùy, ở Đông Châu, Pháp sư Tăng Vân ở chùa Bảo Minh, vào ngày 15 tháng 4 đến lúc thuyết giới bèn bạch chúng rằng: Giới vốn ngăn ngừa điều ác, mọi người đều tụng được, nhọc gì chúng phải thường nghe, hãy nhờ một vị tăng nói nghĩa qua loa, sau sinh khai ngộ. Đang lúc đó chúng không dám chống lại, đến cuối hạ bỏ việc thuyết giới. Đến rằm tháng 7 lên tòa, bỗng không thấy Pháp sư trong đám đông đó, đại chúng vội chạy đi khắp nơi tìm kiếm, liền thấy Pháp sư ở trong gò mả bên cạnh chùa chúng ba dặm, khắp thân máu chảy như bị dao cắt, hỏi lý do vì sao như vậy, Pháp sư nói rằng: Có một đại trượng phu tay cầm dao dài ba thước, vẻ mặt giận dữ, biến thành làm Bồ-tát, cầm dao chặt thân hình đau đớn không chịu nổi. Do đó trở về chùa dốc lòng sám hối. Trải qua mười năm thuyết giới Bồ-tát, đến lúc qua đời có mùi thơm lạ thoảng xông, thân sắc Pháp sư không thay đổi, vui vẻ mà thị tịch. Đây chính là bậc Thượng trí, vì thế động đến chốn u minh quả trách như vậy. Thời nay kẻ hạ ngu không hiểu được sự linh nghiệm này. Dầu khiến thường bỏ Bồ-tát mà vẫn tự an nhiên. Thật đời pháp diệt đáng than thở.

Trong phần bảy, trước giảng nói thiên đầu. Tăng trở xuống là chỉ bày chung các tụ giới, nếu y cứ về nghe giới thông tắc thì sáu tụ đều đồng. Nếu luật biệt chúng thành, không thành thì cội gốc, nhánh nhóc hai loại khác nhau.

Như luật hiển bày tức như giới bốn có phạm thì sám hối, không phạm thì yên lặng.

Trong phần tám, hai đầu nói đối thú sám hối. Nói đối chúng nghĩa là đối trước chúng làm pháp sám hối. Trong luật nói: Phải đến trước một Tỳ-kheo thanh tịnh đầy đủ oai nghi nói tên tội mình đã phạm, bạch rằng: Bạch Đại đức nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... phạm tội... nay hướng về Đại đức phát lộ sám hối. Sau đó đứng như pháp mà sám hối (nói ba lần khi thuyết giới. Nhớ phải dùng pháp gì, lúc khác y như pháp sám hối).

Lại trong luật, Tỳ-kheo đối với tội đã phạm có nghi, lại vì thuyết giới gấp, Đức Phật cho nên phát lồ rồi mới được nghe giới, cũng đối trước một vị Tỳ-kheo nói: Đại đức nhớ nghĩ tôi là Tỳ-kheo..., đối với tội đã phạm sinh nghi, nay đối trước Đại đức phát lộ, sau không còn nghi, đứng như pháp mà sám hối (nói ba lần, y theo lời chú thích trong Yết-ma).

Sợ trở xuống hai là nói tâm niệm. Lại trong phần hai, trước nói biết tội pháp. Trong luật là ở trên tòa nhớ nghĩ bốn tội, nếu hưởng về chỗ gần bên sợ làm động chúng, luật cho phép tâm niệm phát lộ nhưng không nêu văn lời sao lập nghĩa. Y theo tựa Yết-ma thuyết giới thêm một câu: Vì sợ làm động chúng, cũng phải nói ba lần. Nhược trở xuống nói pháp nghi tội. Nên nói rằng: Con v.v... đối với tội phạm, v.v.... Sinh nghi, còn những lời khác thì đồng.

Trong phần bốn lược pháp, nêu: Tạp là y cứ theo lược thì thuần, nhưng duyên và pháp đều có phần nhiều khác, nên nói tạp. Trong duyên bốn tông tám muôn và duyên khác nghĩa là nếu y cứ hai tên duyên và nạn không hạn cuộc, thì nay phải lựa chọn để nêu, nặng thì gọi nạn, nhẹ thì gọi duyên. Nạn vua: Trong lời số nói rằng hoặc tướng sĩ, binh lính giữ chùa. Người bệnh trở xuống trong duyên xen nhau, tạng khinh nên chia ra, phi nhân tức quỷ thần làm náo, trùng độc gọi chung là súc sinh có thể gây ra chết người, nhân nạn dẫn trong luận giải thích, đây y cứ người thường không đồng như giặc. Các duyên khác gồm thâu không hạn cuộc, nên nói duyên khác vả lại tám tướng, đều dùng chữ nhược, hoặc để lựa đó. Bốn tướng trước chung cho ngày đêm, bốn thứ sau chỉ hạn cuộc đêm.

Hạ trở xuống nói chưa xuất là chỉ kết bốn sau. Nên lược nói là kết chung tám thứ trước. Trong bộ khác, khoa đầu có ba. Luật Thập Tụng y cứ duyên đạo hành, sau chế khai một rộng, ba lược. Trong phần lược trên là chúng pháp, khai tâm niệm, trong hành chung lại có duyên, nên chế trước cư sĩ sợ nghe chướng giới, là giúp người khác. Cho đến trở xuống là lợi mình. Nếu nói về tâm niệm, thì nói không rõ ràng không thành tác pháp. Có duyên nên khai không có gì lạ. BỐ-tát thuyết giới, là Hoa Phạm đều nêu. Trong luật Ngũ Phần có bảy duyên, trừ cỏ cây, gai góc đất bùn còn khác thì đồng với luật Tứ Phần.

Luật Tăng-kỳ có năm duyên; bị ép ngặt, trời tối, khách từ xa đến ba duyên này không đồng với Tứ Phần.

Trong phần đối thuyết, bộ Thập Tụng nói nạn vua khai thuyết tứ duyên khởi từ vua Bình-sa, như trong thiên Yết-ma dẫn. Trong Luật Ngũ Phần nạn sự giống trong luật Tăng-kỳ. Kia vì đột nhập nghe pháp,

không vì đó nói sợ thân khổ não, chế khiến cho đổi cách tụng. Trong nghĩa lập hai duyên lạnh nóng không nêu ra các lời dạy. Lý phải khai, nên trước chỉ duyên y cứ, trở xuống bạch chúng vui mừng hưởng dẫn. Nói đông lạnh là văn thoát, bốn xưa nói mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, nên cả hai tùy thời gian dùng riêng. Tăng trở xuống là dẫn chỉ bày. Trước chỉ bộ Tăng-kỳ nói chế (ngăn) Thượng tọa, kế dẫn luật Ngũ Phần nói ngăn đồ chúng.

Nói Chúc thọ tức dữ dục. Chỗ trống nói tức dữ dục, sợ ở chỗ che kín không có người thấy nghe (có chỗ nói: Ở đây nói thuyết giới khiến Tỳ-kheo khách đến tìm thấy nên vẫn nói dường như không suốt).

Kế trong phần lược pháp, khoa đầu nói hai món: Đây là nêu hai món thủ và khước. Nêu tên là thủ; trừ tướng và khước. Nói lược là đủ hai nghĩa.

Một trở xuống là giải thích. Trước giải thích nghĩa lược thủ. Thủ tám thiên đề: Như nói rằng bốn pháp Ba-la-di này, v.v... kế là giải thích lược khước: Khước là trừ.

Trừ chủng loại tùy thiên: Nghĩa là không tụng trong thiên thuyết giới, chỉ nói rằng tăng thường nghe.

Trên nói tám thiên, dưới nói tùy thiên đều là nêu chung toàn số giới bốn, còn như chánh tụng hoặc nhiều hoặc ít đều không nhất định, (có người nói: chỉ tụng tám đầu đề gọi là lược thủ thuyết giới. Tụng một, hai thiên đầu gọi là lược khước thuyết giới. Khiến đời sau vọng làm, đến nay còn như vậy, như riêng chỗ phá).

Hỏi: Có được lược hết tám thiên hay không?

Đáp: Y mỗi luận nên rộng tụng pháp diệt tránh. Y theo Tỳ-kheo-ni Sao thì tám thiên đầu đều lược (xưa ghi một ít phần của Đột-cát-la không gọi là lược. Lại có người nói bảy diệt là cốt yếu của dứt tranh cãi nên không thể lược, do Tỳ-kheo-ni Sao đều xuyên tạc mà thôi).

Hỏi: Nay còn bao nhiêu được lược?

Đáp: Nay chỉ nói chung là lược giới, không nói bao nhiêu loại. Nếu nêu tên lược thì gồm hai nghĩa thủ và khước, nếu không nêu tên, như trở xuống cuối bài tựa duyên tức lược, chỉ có nghĩa khước không có nghĩa thủ.

Hỏi: Như tụng một, hai thiên rồi lược các thiên còn lại, giáo lý này lược gì?

Đáp: Các thiên đã tụng trước gọi là rộng, vẫn không nói v.v... là rộng tụng ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, chín mươi pháp Ba-dật-đề. Lại nói, bảy pháp diệt tránh trở xuống như pháp nói rộng, còn



những thiên khác không tụng mới gọi là lược.

Hỏi: Như trong Bốn luật tụng rộng một, hai thiên tụng có nạn duyên xảy ra thì nói còn bao nhiêu giới tăng thường nghe, đây gọi là lược gì?

Đáp: Đã không nêu tên, dừng tụng tức là lược khước.

Hỏi: Như nêu thiên mục lược đến hai, ba thiên tụng có nạn duyên xảy ra thì nói còn bao nhiêu giới, v.v... đây là lược gì?

Đáp: Trước nêu danh gồm đủ hai nghĩa. Lại nói còn bao nhiêu giới dừng tụng là khước.

Hỏi: Nay có pháp lược là xuất xứ từ đâu?

Đáp: Trong văn nói thời gian thông thả thì tụng rộng ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề và chín mươi pháp Ba-dật-đề, đến sau cùng có nạn duyên nói tựa rồi lược đều y bốn tông không nói tựa. Lược y theo chú giải trong Yết-ma, y theo Luật Tăng-kỳ. Chặng giữa mỗi đề kết chung xuất xứ từ một bộ luận, vì thế văn sau nói: Văn bộ Tứ Phần không rõ, v.v... (Xưa ghi ngược lại dẫn trong bốn tông, mười, năm lược phối, càng thêm mê mờ. Chú giải trong Yết-ma cũng ghi: Luật cũng có năm, ba pháp lược, văn không nói rõ, nêu y mỗi luận, nên biết là sai). Do xưa phần nhiều mê mờ, không khỏi phiền phức tỉ mỉ, còn lại thì chưa hết, đầy đủ trong phần giải thích. Trong pháp lược, khoa đầu nói sự tướng hai việc hoãn gấp ở tòa cao. Hoãn thì có thể tiến tới, gấp thì vội vả chẳng? Đòi y cứ duyên trên nên khiến dạy bảo. (238) Trong văn trước cả hai đều nêu. Hoãn trở xuống là giải thích lại, duyên gấp thì nói chung nhiều món.

Như trở xuống đã nói. Văn đầu trong phần hiển bày riêng, trước chỉ duyên trước tức chín món đầu trong mười duyên. Nói nghi thức cũng đồng phần rộng pháp. Do duyên nhất định, phần nhiều không đến sau nên chỉ trước. Chí trở xuống là chỉ bày pháp lược có ba:

Hỏi: Thanh tịnh chẳng rồi tức nói rộng lời tựa trước.

Nên nói trở xuống lược chặng giữa bảy thiên.

Nói mỗi đề là bảy tên nêu riêng.

Kết chung: Đều nói tăng thường nghe.

Bảy pháp diệt tránh trở xuống nói rộng văn sau. Không lược bảy pháp diệt tránh là giới ít, nói lược lại tiếp văn sau vì đây không thể nói. Nếu y theo Tỳ-kheo-ni Sao thì tám đều lược chung, không nhọc gì nói để làm người mới đến. Cho nên lời sơ nói: Nay có hành lược, phần nhiều không có pháp thức. Duyên hoãn gấp ứng thì đó là cốt yếu. Thường đồ lạnh nóng đã trình bày, có thể nói rộng trước sau (tựa trước

và pháp diệt tránh trở xuống) mà trong phần lược đã nói rộng (tức bảy thiên) y theo đây nói căn cứ há là ngu ư!

Luật Tứ Phần trở xuống nêu xuất xứ, trước xét trong bốn luật, không nêu thiên đầu nên nói là không rõ. Nay trở xuống là thủ văn trước tức chỉ cho pháp trên có chỗ y cứ.

Kiểm độ thuyết giới của luật này, đầu tiên là nói trước rộng sau lược, kế nói đoạn thứ tám. Kia nói khởi niệm này, nay do nạn duyên nên lược thuyết giới. nạn đến còn xa chúng ta được nói rộng, Tỳ-kheo-ni nên nói rộng, không nói sẽ đúng như pháp trị. Lại nói, tôi bệnh không nói rộng được, có thể nói đến chín mươi pháp Ba-dật-đề. Lại nói: Tôi không nói được đến chín mươi pháp Ba-dật-đề chỉ có thể nói đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Lại nói: Không nói được đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề chỉ có thể nói hai pháp bất định. Lại nói: Không nói được đến hai pháp bất định, chỉ nói được mười ba pháp Tăng tàn. Lại không thể nói được đến mười ba pháp Tăng tàn chỉ có thể nói bốn pháp Ba-la-di. Lại nói: Không nói được đến bốn pháp Ba-la-di, chỉ nói được bài tựa giới. Lại nói: Không nói được bài tựa giới liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi mà đi (kế đoạn thứ tám, một trước là nói rộng, bảy sau là lược. Người xưa vọng truyền là bảy lược, một thẳng là sai). Sau nói trước lược sau rộng, ba, năm thuyết giới. Kia nói có năm trường hợp thuyết giới:

- 1- Nói bài tựa rồi nên nói tăng thường nghe.
  - 2- Nói đến bốn pháp Ba-la-di.
  - 3- Nói đến mười ba pháp Tăng tàn.
  - 4- Nói đến hai pháp bất định.
  - 5- Nói rộng (ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề về sau).
- Lại có năm trường hợp thuyết giới:
- 1- Nói bài tựa và bốn pháp Ba-la-di, còn bao nhiêu thì lược.
  - 2- Nói đến mười ba pháp tăng tàn.
  - 3- Nói đến hai pháp Bất định.
  - 4- Nói đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.
  - 5- Nói rộng (chín mươi pháp Ba-dật-đề trở xuống)
- Lại có năm trường hợp thuyết giới
- 1- Nói bài tựa và mười ba pháp tăng tàn.
  - 2- Nói đến hai pháp bất định.
  - 3- Nói đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.
  - 4- Chín mươi pháp Ba-dật-đề.
  - 5- Nói rộng (bốn pháp Ba-la-di Đê-xá-ni về sau).

Luật bốn rất rộng, nay nói rằng không rõ là nói sai chánh dụng, sợ người chưa lược dẫn cho biết.

Trong phần hai y cứ vào nói bài tựa rồi, nêu trước lệ sau, vì thế trong Yết-ma chép: Nên tùy theo chỗ đã nói đến thừa (biết) rằng đã nói đến chỗ... còn bao nhiêu như tăng thường nghe.

Lại sơ giải thích: Tùy theo tụng đến giới nào nạn duyên hết thì sắp xếp lại, không thể chuyển tụng nên biết thông ở sau.

Trong phần ba, đây là nêu trong bộ Tăng-kỳ, cho rằng chưa nói bài tựa không thành pháp lược, phải nói lại. Hoặc đợi nạn duyên hết, hoặc ra ngoài giới, hoặc chúng, hoặc riêng chúng, tùy duyên mà tác pháp.

Trong phần kết đoạn, trước kết khuyên. Nói duyên là chỉ bày nguyên nhân lược pháp. Và kết là trong phần bảy lược trước, hoặc có thể nói rộng hay không nói rộng, cho đến có thể nói bài tựa hay không nói bài tựa.

Điều đúng như pháp trị trở xuống là khiển trách sai. Đầu tiên khiển trách lược pháp trái với nghi. Hoặc trở xuống khiển trách nương duyên không nói. Kế nói trong biệt pháp thuyết giới. Văn đầu luật vì Phật ngăn chúng tăng nói giới, có một Tỳ-kheo không biết làm thế nào, bèn bạch lên Đức Phật, Phật liền chế giới.

Điều độ: Trong luật nói phải trải tòa đầy đủ, bình nước, nước rửa chân, đốt đèn, thẻ, v.v...

Đợi khách đến: Lời sơ nói rằng người xuất gia phiêu bạt không bạn bè thì làm sao có chỗ ở nhất định, gọi là chỗ của ta. Du hóa khắp nơi, thông thả tự tại, tùy chỗ mở mang chánh pháp không hạn cuộc phở xá, chùa viện, hướng đến chùa làm chỗ ở, bốn biển là thức ăn.

Khoa kế trong phần chúng pháp nói biệt pháp mà nêu bốn người là do ở một mình đợi khách bên ngoài đến không có hẹn cho nên nói, không đồng vị đầu thường đồ tăng pháp, đều hành sự lại đồng như trước.

Trong đối thú, văn y cứ ba người, sau chỉ hai người. Trong từ ngữ tác pháp chỉ trừ hai chữ.

Lời sơ hỏi: tăng thuyết giới, một người bình pháp còn bao nhiêu thì ngồi yên. Hạ trở xuống đối thủ đều tiêu biểu cho thanh tịnh.

Đáp: tăng pháp vị mạnh, thành tựu năng lực lớn nên nêu bạch thuyết giới, dùng bốn phương nên khác với người sức yếu kém, tiêu biểu bên trong thanh tịnh ứng với lời dạy trước.

Trong phần tâm niệm thuyết giới, trước nêu pháp. Nhược trở

xuống chỉ bày duyên khác. Trên y văn luật, vả lại y cứ Lan-nhã, Sơn hành, xóm làng, không có người nghĩa đồng nên y cứ khai cho.

Văn đầu trong phần phát lộ tội, trước nói tội khinh được sám hối, vì bốn vị đây nói tội trọng không được sám hối nên trình bày dị thuyết khoa kế, đầu chỉ bày văn không. Nay trở xuống nêu pháp. Nói thông giải là thủ nghĩa đầu ở trên. Xét trong phần tự tứ tức cho phép trên tòa phát lộ tức đối nghĩa kế làm hạn cuộc nên nói là thông.

Hỏi: Phát lộ rồi có cần phải ba lần nói bố-tát không? Văn đáp: Không thuyết giới dường như không trình bày lại. Y theo lời chú trong Yết-ma dẫn năm trăm câu hỏi, cứ như trên nói ba lần. Lại y cứ trong lời số dẫn luật Tăng-kỳ chép: nếu không có khách thì tác niệm, nếu Tỳ-kheo thanh tịnh phạm tội thì đúng như pháp mà trừ. Tác niệm rồi phải tâm niệm miệng nói ba lần bố-tát, đây tức hướng đến bốn phương tăng phát lộ sám hối, đại khái như trong tăng, nay nói về Yết-ma và số đều tác niệm phát lộ, câu lời không khác nên y nói ba lần. Đây đã lập pháp tức phải bố tát không nhọc gì trình bày lại. Ngày nay việc đến y lời số thì tốt.

Trong phần ba chép: Hướng về tăng sám hối tức tác niệm phát lộ. Hoặc có thể tội khinh trách tâm liền diệt tội. Ba lần nói nghĩa là tác pháp Bố-tát. Người nói rộng giới là người hiểu biết trì phạm. Nhưng không dạy chế vốn không cần tụng, do soạn ra pháp thì thành thuyết giới, không đồng với tăng pháp bình bạch hòa tăng, không nói thanh tịnh vì tâm niệm đã như vậy.

Trước trong phần đối thú, tội Tăng tàn, tội trọng, Thâu-lan-giá liệt khai phát lộ, như trong phần tự tứ.

[Hàng 13, Ô3 -238)

## THIÊN GIẢI THÍCH AN CƯ

Thân tâm đều tịnh gọi là an, thời gian nhất định ở một chỗ gọi là cư (y số giải). Tùy thời răn nhắc gọi là sách, ba nghiệp thường thực hành việc lành gọi là tu.

Trên chung cho người và chỗ, dưới hạn cuộc hành nghiệp. Một môn này gồm có bốn:

1- Y cứ vào pháp có bốn. Đối thú tâm niệm vọng thành và giới. Lại hai chỗ trong giới, trong vườn, đủ có đôi chiếc thời là bảy.

2- Thời có ba: Đầu, giữa và sau.

3- Xứ chung cả hai giới là giới tự nhiên và giới tác pháp.

4- Người: Gồm năm chúng đều chế chung.

Hỏi: Biệt pháp an cư vì sao là chúng hành?

Đáp: Có ba ý:

1- Thọ thuyết nguyên nhân thứ lớp an vui tự tứ.

2- Hạ an cư rồi, tự tứ về sau nhiếp.

3- Bốn thiên tuy là biệt pháp vì phân phòng thọ nhật đều là chúng pháp.

Trong phần chế ý, khoa đầu tiên có hai. Trước giải thích nghĩa an cư và chỉ bày sách tấn tu hành. Tuy trở xuống là nói nghĩa cư. Số thứ tự này thấy trong thiên đề, chữ xứ trở lên huấn chỉ huấn tức. Nhiếp lự chuyên chú là chỗ thanh tịnh. Quán duyên thắng pháp là tư vi (suy nghĩ tinh tế). Chữ vi gần sự và lý. Sự là ghi nhớ vốn đã thọ, tức giới học; lý thì chung vọng mở, chân tức định tuệ, tức tánh không tướng không trong thiên Sa-di; ba quán Duy thức tánh tướng hai không, tức không là lý, Nhất quán Duy thức tức thức là lý, ba món này thực hành gọi là Thánh đạo, không tịnh không tư duy, không tư duy không chứng. Ba thừa (239) tuy khác nhưng nhập đạo đều đồng, vì thế nói là chánh quỹ (phép tắc chân chính). Ước hẹn giới hạn trong mùa hạ không bỏ một tắc bóng thời gian nên nói nương (dựa) vào ngày tính công. Gắng sức răn cấm biếng nhác không bỏ một chánh niệm gọi là sách tấn tâm hạnh.

Kế là giải thích nghĩa Cư, câu đầu nói chỗ cần phải làm, tức trở xuống nói trong luận xứ không có năm lỗi. Câu kế nói nêu chí. Tức trở xuống khởi ba tâm an cư, không cho trở xuống nói thủ chế. Tức trở xuống: Ba lỗi, đối chiếu sẽ thấy.

Khoa kế, trước trình bày ý chung, trong luật vì các Tỳ-kheo bất cứ lúc nào cũng đi trong nhân gian đạp chết cỏ tươi, cắt đứt mạng sống chúng sinh, bị người đời chê bai rằng: Côn trùng chim quạ còn có hang ổ, huống chi Tỳ-kheo. Đức Phật do đó chế rằng không được bất cứ, lúc nào cũng dạo đi. Văn trở xuống nói nghiêng lệch.

Ba lỗi: Tự tổn hại mình, làm tổn hại người và tổn mình lẫn người.

Chước lấy sự chê bai ở đời: Như duyên khởi ở trên.

Hỏi: Ba thời tình lỗi nhiều ít, trong văn có thể thấy rõ, còn chế có nặng nhẹ làm sao phân biệt được?

Đáp: Mùa Xuân, mùa Đông có duyên sự thì cho phép còn ba tháng hạ có duyên sự hay không duyên sự đều cấm. Lại mùa hạ có pháp kiết, còn mùa đông mùa Xuân thì không có. Lại mùa xuân, mùa đông không kết chỉ phạm một tội Đột-cát-la, còn trong mùa hạ không biết đến an cư mỗi mỗi phạm một tội Đột-cát-la. Lại mùa hạ không hạ an cư thì mất

một tuổi. Lại trong hạ chế nương theo luật sư thứ năm còn mùa Xuân, mùa Đông nương bốn vị Pháp sư. Hoặc trong luận trái lại chế ba thời đều phạm Đột-cát-la. Y cứ các duyên trên hoãn gấp đều có thể thấy.

Trong khoa sau, phần ba ở đầu chỉ riêng. Tức trở xuống là dẫn chứng. Cố trở xuống là kết khuyên. Hai câu trên chỉ cho quá khuyên. Ất trở xuống là y cứ phạm khuyên. Ất trái v.v... là trái chế trọng. Kết nghiệp triển là trái lý sâu. Trôi lăn trong biển khổ là chịu quả báo lâu dài. Hình phạt thông thường có tên thỉnh trên. Trong luật cho rằng: Điều khoản chỗ đã phạm kia thỉnh riêng bớt tội. Mười điều ác dùng trong luật này là không thỉnh vì nói kia đã nhất định. Nay ngang nhiên trái lời dạy, lỗi đã nêu bày, phải nhập vào khoa phạm nên không đợi thỉnh.

Cực trở xuống là chánh khuyên. Răn nhắc như đây tức luật chế ở trước, khai chương nêu bày. Đối trở xuống là pháp phụ nên nói ở phần đầu. Còn như năm môn, môn đầu và ba, bốn là nói bốn pháp, môn thứ hai, thứ năm dùng loại tương tùy. Chia phòng ở trước, Ca-đề hạ rồi, kể nêu có thể hiểu.

Trong duyên, khoa đầu chỉ sở y, trước và giữa dẫn luật Tử Phần. Đầu chọn không phải chỗ. Trong luật chép: vì có Tỳ-kheo đại tiểu tiện dưới gốc cây, thân cây nổi giận, nên Đức Phật chế. Nếu cây trở xuống là nói có thể nương ở dưới gốc cây, là nhà của người tu hạnh đầu-đà, chung cả ồn ào lẫn thanh tịnh, và cử động rất nhỏ, từ ngoài y theo đó mà biết. Trên y cứ vào chỗ tăng ở. Nếu y trở xuống là năm món đều y cứ nhà thế tục. Bốn trên là chỗ ở tạm, một dưới là chỗ ở lâu dài, đều vì có duyên khởi mà Đức Phật cho phép, ở đầu nói có thể nương, sau nói dời đi, nuôi dưỡng.

Xóm làng là gọi chung lớn nhỏ. Cho đến một nhà người nam ở đều gọi là xóm làng. Trong phần dời đi tùy chỗ đến, tùy chỗ đã dời đi của năm hạng người trên. Hoặc có thể người kia dời đi vì thiếu tư cụ, tùy ý của Tỳ-kheo đến đều được. Trong văn không y cứ tịnh ý để quyết đoán được mất tức không rõ, cho nên dẫn năm phần để quyết đoán đó. Văn chia làm hai. Trước nói khai đi. Nói trụ nghĩa là xét kỹ năm nhà kia ở đây, xong hạ mới được nương, nhất định không có ý không thể nương ở. Dời đi sẽ mất hạ. Nếu tại trở xuống là nói không nói nơi chốn. Trên là nêu riêng nạn mạng sống, dưới gồm thâu hai nạn. Kế trong năm pháp: Một là chọn chỗ, hai là tịnh vị; ba là hẹn thời gian; bốn là yếu tâm; năm là nương duyên.

Trong vị luận kia cũng đồng với luật này, chỉ có hai vị trước sau, ngày 17 trở đi đều là sau nhiếp. Trong ước hẹn thời gian nói là phá, v.v...

nghĩa là đây nói ý số đặc biệt lập giới hạn thời gian. Vì ngày 15 còn thuộc về mùa xuân không phải mùa hạ cho nên ngày nay tăng xa phần nhiều phạm lỗi này, lằm lộn lẫn nhau, đại khái là do mê mờ giáo pháp. Huống chi chỉ lo các sự cạnh tranh kinh doanh trai cúng. Còn việc kiết pháp không chịu vâng theo, theo tình bỏ thánh, trọng sự khinh pháp, thật đáng thương xót.

Trong phần khởi tâm, số nêu ba thứ: 1- Tu trí; 2- Tu phước; 3- gồm cả hai.

Trong năm lại có năm. Y cứ nơi xứ thì chung, y cứ theo tướng thì riêng.

Trong ba thứ, cắn nhai là hại mình, đập tổn thương là hại vật.

[Hàng 19, Ô2 - 239)

Bốn không thể nương ấy tức Luật sư thứ năm.

Vị trở xuống năm câu tức nêu năm đức: Một y cứ về trao pháp; hai là xem xét hạnh, ba đức còn lại có thể hiểu. Năm là không có thí chủ, nghĩa là thiếu tư duyên, tức lỗi thứ năm, luật Tứ Phần trở xuống chỉ lược, văn tướng đã đồng nên không phiên dẫn lại. Trong ba nạn xứ, trước dẫn trong luật Thập Tụng thường đến lựa phi; kế dẫn luật Ngũ Phần quyết thông được chăng?

Trong phần bạch pháp, trước chỉ rộng, nay nhiếp dẫn.

Luật kia chép: Tỳ-kheo muốn an cư trong mùa hạ ở chỗ nào thì phải đến xem thử có phu cụ chăng? Không có tiếng ồn chăng, không có các nạn như sư tử, cọp sói, trùng độc, v.v... chăng, có thể an cư trọn mùa hạ chăng.

Lại thêm, nên nghĩ an cư chỗ này việc ăn uống được vừa ý chăng, nếu bị bệnh sẽ tùy bệnh uống thuốc được chăng? Lại xem người ở chung có đúng như pháp chăng. Cho đến lúc bệnh có bỏ đi chăng. Lại xem trong đại chúng không có kiện tụng tranh cãi chăng. Không khiến cho ta sinh tâm ác, lời ác chăng. Trong chúng có biết pháp hiểu ba tạng kinh điển chăng. Không khiến cho ta trong mùa hạ có phạm, muốn diệt không được chăng?

Lại nghĩ: Trong chúng đây có vị tăng nào như cha mẹ dạy dỗ con chăng.

Lại nghĩ: Trong chúng không kiện tụng tranh cãi nghĩa là trong mùa hạ không khởi nhân duyên phá tăng chăng.

Trước thọ an cư rồi sau nhận phòng xá, phu cụ, mỗi thứ nên sắm sửa lo liệu đầy đủ, v.v... Nếu có duyên sự vì Tam bảo cho phép được bảy ngày.



Lại vị Thượng tọa trong chúng phải hỏi trong đại giới đã nêu giới mất y, không mất y, chỗ tịnh địa, chỗ bố tát v.v... lại pháp an cư Thượng tọa như trong lời sao dẫn đầy đủ. Cho đến trở xuống là nêu bày pháp. Nay y cứ nghĩa thêm vào giờ tiểu thực, vị Duy-na đánh kiền chùy bạch rằng: Bạch đại chúng! Đã qua một ngày an cư rồi, còn tám mươi chín ngày phải siêng năng tinh tấn, cẩn thận chớ buông lung (ngày khác y theo đây thêm hoặc bớt).

Nhược trở xuống là khuyên nương (y chỉ).

Tăng như cha mẹ nghĩa là đạo nhân tăng mà sinh. nói tăng sư là hạnh từ khuôn phép đó. Văn kia còn rộng nên chú giải, v.v...

Kia tiếp tục rằng: Tỳ-kheo an cư khi tự tứ được làm một việc nghĩa là nói thấy, nghe, nghi có tội. Sau đó làm bốn việc:

1- Giải giới.

2- Kiết đại giới, lại có hai nhân duyên phải giải giới: 1/ Nước trôi, hư hoại không thể biết chỗ. 2/ Bị nạn giặt, tăng đều bỏ đi nên phải giải giới (không có duyên sự thì không cầu trở xuống khiến trách xưa cho phép. Trong hạ giải giới là phá hạ. Cũng sợ xưa chấp văn này.

3- Thọ y Ca-hy-na (tức y công đức)... cũng tùy theo khi có, khi không.

4- Thọ phu cụ.

Thứ hai gồm nói trong ba thời, văn đầu hiển chế tức bốn duyên khởi. Hai câu đầu là nêu lỗi, tức ba nghĩa trên, dưới dẫn văn. Mùa hạ là chế riêng, mùa xuân mùa đông là chế chung. Nếu y cứ hai thời thì ngại đạo. Tuy đồng không tổn hại côn trùng nhiều, chúc lấy sự chệ bai của thế gian cũng ít, vì thế nói là ít lỗi.

Hỏi: An cư là chế mà nói cho phép là sao?

Đáp: Chế cho phép là đối lập, cho phép tức là khai.

Khai cho phép riêng ngang bằng với nghĩa cho phép khai chế chung. Như cho phép xây dựng phòng xá, chứa đồ dư, cho phép kiết giới, cho phép lược thuyết giới, v.v... đây là cho phép tức khai. Như nói là cho phép hỏi mười ba nạn, cho phép y chỉ sư, cho phép bạch thuyết giới, cho phép hành xá-na, cho phép an cư rồi tự tứ, đây là cho phép tức chế. Nay nói là cho phép ba tháng là có đồng chút ít với ý này. Mượn nghĩa để nói cho phép dụ như khiến, nghĩa là khiến cho làm không thể trái. Vì thế, nếu làm thì đây hiểu còn văn khác thì bít lấp.

Hỏi: Trong một thời bốn tháng, y cứ lỗi là đồng, mà không chế hết nên phải hỏi giải thích để nêu ý chỉ lời dạy.

Đáp: Có hai ý.

- Đầu tiên y cứ khai sau đáp, trước an cư thân người là khổ khí, đối khất lạnh nóng tùy thời cần dùng, cho nên gọi là đãi hình. Cho phép chung năm lợi, lại nêu tư tài bên ngoài, đây là ý chánh khai vì thế chỉ nói là y phục.

- Kế y cứ vào khai trước đáp là nhiếp hai vị giữa và sau.

Quá gấp là bắt lấy thời cơ không kịp. Nói nạn thường là cơ hội hoãn không kịp, vì duyên khác hoặc bị ngăn trở không thể hẹn trước.

Kế là nói riêng ba thời. Trong phần nêu, trước kết sau sinh. trước nói một năm ba thời hoãn gấp, sau nói một mùa hạ ba thời trước sau.

Vấn đầu trong phần chánh tây, trước nêu ba vị cho nên trở xuống dẫn chứng là thêm ba.

Sớ chép: tăng ba đủ là nói trước, giữa, sau. Y cứ thời gian nhất định chia trước, sau một ngày, trung gian an cư là ngày 29. Khoa kế, trước dẫn văn trong bốn tông tức kiên-độ an cư chép: Phật nói có hai trường hợp an cư là tiền an cư và hậu an cư, tiền an cư là kiết hạ ngày 16 tháng 4, hậu an cư là kiết hạ ngày 16 tháng 5.

Tuy trở xuống là nghĩa quyết định, câu đầu xét văn thiếu.

Nhưng trở xuống là hiểu nghĩa đầy đủ. Văn chỉ hai ngày là trước sau (tiền hậu) thì nghĩa phải bao gồm trung gian. Vì thế nói là đối lý tự rõ.

Sớ chép: Trong kiên-độ chỉ nói tiền, hậu an cư đều trong ba tháng thì không có trung gian an cư. Vì thế, Xá-lợi-phất muốn an cư chỗ Phật nhưng ngày 17 mới đến nên Phật chế hậu an cư. Nói theo tướng thì chỉ trước một ngày là tiền an cư, ba mươi ngày còn lại là hậu an cư. Ai cũng hưởng về tiền an cư còn lại đều gọi là hậu an cư, nên thiếu trung gian an cư.

Trở xuống là chỉ cho văn kết, vì ba pháp khác nhau.

Khoa kế chép rằng nói chung chung nghĩa là trong đây chính là nói tiền an cư và hậu an cư, nhưng trở xuống ba môn tên đồng mà sự thì khác, do phụ thuộc nhau nên nói là chung chung. Trong phần đầu tiên trở xuống nói rằng được thọ năm lợi dưỡng gọi là thưởng, kết trở xuống nói là hậu. Trên dưới xen nhau trong văn lược bớt.

Trong phần hai, trước nói không kiết có phạm, không phạm. Ngày 16 về sau nói hậu an cư nếu không kiết đều phạm, trừ có nạn sự thì cho khai duyên. Tỳ-kheo-ni đồng khác là chọn chung lạm. Đồng là nghĩa đồng như trước, khác là khác với sau. Do Tỳ-kheo-ni ít du hóa bên ngoài, không dạo đi nên chỉ chú trọng bên Tỳ-kheo tăng.

Trong phần ba, trước nói tiền, cho đến hậu không biết: Tuy chưa

nhàn rồi gia pháp mà thân đã ở trong giới, vì thế đều thành tiền an cư. Đây gọi là trở xuống nghĩa là nói ngày thì khác mà ngày thọ tuổi thì đồng. Trong một tháng trước tùy ngày có thể kiết nên nói ba mươi ngày an cư.

Hỏi: Nạn sự không dứt đều không kiết, có được hạ không?

Đáp: Số chép: Hoặc năm ngày, ba ngày, cho đến một tháng tuy không kiết nhưng không mất tiền an cư, vì có nạn sự không kiết được chứ không phải cố tâm.

Hoặc trở xuống là nói hậu an cư. Người nhập hậu an cư vốn là phải đến ngày 15 tháng 8 mới mãn hạ, nhưng cho phép theo người tiền an cư tự tứ trước. Nay vì nạn duyên ngăn trở, tùy khi nào nạn hết khai làm cho nên chung một tháng, đây tức là ngày kiết hạ thì đồng mà ngày thọ tuổi thì khác.

Hỏi: Tiền và Trung gian hai trường hợp có nạn sự được khai hay không?

Đáp: Theo lý thì lẽ ra là được.

Hỏi: Nếu như vậy trong luật nói có nạn khai tăng tự tứ là sao?

Đáp: Giặc kia là sự đấu tranh ngoài giới, ở đây tức giặc vua, v.v... làm cản trở đều gọi là nạn duyên, tên đồng mà sự khác.

Trong ba phần trên, tiền an cư, hậu an cư, thưởng phạt, trở về trước một ngày là tiền, ba mươi ngày sau là hậu.

Trong ba việc nạn tức y cứ vào an cư, tự tứ xen nhau tiền, hậu.

Trong số có sáu trường hợp, ba trường hợp giống như trước. Trường hợp thứ tư y cứ vào tiền hậu, tiền hậu an cư đều là ngày 16, trung gian là ngày 29. Trường hợp thứ năm là nói hành trụ (trụ tức Tỳ-kheo cự trụ, hành là Tỳ-kheo khách bên ngoài) hai pháp đối thú và tâm niệm Tỳ-kheo cự trụ và Tỳ-kheo khách đều dùng chung, do Tỳ-kheo khách trước có yêu cầu (lại nói Tỳ-kheo cự trụ có yêu cầu cũng khai cho). Trường hợp thứ sáu là y cứ pháp khác nhau, tác pháp đối thú, tâm niệm cho phép dự phòng, sợ trái với trước sau, ngay như vậy liền được (y theo số sau cũng gia thêm pháp).

Trong hạ nhuần, nêu rằng kéo dài hoặc rút ngắn lại, y theo nhuần là kéo dài, không y theo nhuần là rút ngắn.

Lại trong nhuần có ba trường hợp: Ngày nhiều ít, kéo dài rút ngắn có thể tìm xét. Y theo nhuần có ba trường hợp, đầu chỉ bày văn thiếu, Tỷ trở xuống là hai thủ trường hợp, Tỷ là trường hợp.

Trước dẫn văn trong luận chép: Nếu tháng tư nhuần thì lấy tháng tư trước thọ áo mưa vì đủ một trăm hai mươi ngày, bao gồm tháng nhuần

trong đó.

Kia trở xuống do khai tình huống mà chế, khai hoãn còn y theo, chế gấp nên y theo.

Lại trở xuống ba là giải thích văn nghi, nghi rằng: Tháng nhuận là lúc ngồi không mà thôi, vì không phải tháng chính, trong tháng nhuận ra ngoài giới không phá hạ, vì sao phải an cư tháng nhuận, nên kia chung đó. Nay nói y theo tháng nhuận, tuy trải qua bốn tháng, tháng nhuận không ở trong số ngày chỉ sợ khoảng giữa cách khoảng, ba tháng mới thật hạ nên y theo đó mà thôi.

Kế trong phần không y theo nhuận, trước nêu bày. Ma trở xuống là dẫn chỗ y cứ. An cư rồi mới nhuận nghĩa là lúc mới kiết hạ chưa biết có tháng nhuận, vì thế đếm chung đủ ngày trở xuống nói thọ y. Nói thành thọ là do không y theo tháng nhuận vì số ngày đã đủ, nói không thành nghĩa là hoặc có y theo tháng nhuận nhưng chưa đủ ngày.

Nghĩa là trở xuống: Đối phần giải thích có thể hiểu, trong phần cả hai phán, câu đầu chỉ cho văn trước. Đa luận tuy nói y theo tháng nhuận, già luận văn chung cả hai vì gồm đủ. Câu kế nói dùng cả hai.

Hạ trở xuống là chánh phán, đầu nói phải y nhuận nghĩa là trước biết có nhuận nên theo Đa luận nói, vì không được không y nhuận nên không theo Già luận.

Nếu trở xuống nói thông y và không y theo nhuận.

Nói ngược với trước nghĩa là đầu hạ không biết có nhuận, kiết rồi mới lập hoặc y hoặc không y theo nhuận, tùy người lấy bỏ nên nói chung hai luận. Ở Tây vực tháng nhuận không nhất định, xứ này không phải như vậy. Dự biết nêu trong Tây lịch đều là biết trước, nên phải y theo tháng nhuận (xưa cho rằng trước hết có nhuận, y hay không y theo nhuận tùy ý người muốn là sai).

Sớ chép: Tức y theo Già luận, an cư trước đã biết có tháng nhuận, vì vốn biết có nên y theo tháng nhuận, không được thọ y theo tháng nhuận vì vốn không biết có tháng nhuận, đếm ngày thành hạ.

Hỏi: Trong phần hỏi đáp, hai lần hỏi này đều cho rằng do khai có việc nạn mà chế, hai lần đáp không đồng trong văn, có thể thấy.

Nói hai, sáu nghĩa là một tháng năm tháng trung gian nhuận thì tháng hai, tháng sáu. Trong một tháng thì hạn cuộc tháng 7, trong năm tháng gồm gồm các tháng 7, 8, 9, 10 và 11.

Khai phạm được lợi nên nói pháp thái quá.

Hỏi: Áo mưa cũng khai như thế nào để nhiếp hạ?

Đáp: Lúc nóng cần dùng có ích không tổn nên khác nhau.

Trong phần khác nhau nêu là tiến được chăng? Nghĩa là ngày nhiều, ít.

\* Đầu tiên nói hai tháng 5, 6 do trung gian không liên quan đến kiết hạ và giải hạ nên nhất định một vị.

\* Kế, tháng 4 nhuận, câu đầu là nêu chung. Tụng trở xuống là giải thích riêng ba vị (tự trở xuống đều y cứ kiết giải để chia đồng và khác, ngô hầu khiến cho dễ hiểu).

Trong tháng 4 nhập hạ là ngày 16 tháng 4 kiết hạ ngày 16 tháng 7 giải hạ. Cho đến ngày 30 kiết thì ngày cuối của tháng giải hạ. Tháng nhuận ngày mồng một kiết, ngày 1 tháng 8 giải hạ. Nếu nhuận trở xuống nói vị thứ hai. Số ngày nhập hạ nhiều ít không nhất định. Tháng nhuận ngày mồng 2 kiết thì nhập hạ một trăm mười chín ngày, cho đến tháng nhuận ngày 30 kiết thì nhập hạ chín mươi một ngày. Vì thế nói chuyển ít (trước cho ngày 29 kiết cũng đến ngày 1 tháng 8 giải). Vượt quá nhuận là giải thích lý do chuyển ít dần ở trên.

Nếu năm trở xuống tức vị thứ ba, đã không liên quan với nhuận trước nên chỉ có ba tháng, ngày mồng 1 tháng 5 kiết, ngày mồng 1 tháng 8 giải hạ, cho đến ngày 16 kiết thì 16 tháng 8 giải (kiết và giải đều ngày 16). Y theo số có ba câu:

- Hoặc có khi an cư cách một tháng (ngày 30 tháng 4 và ngày mồng 2 tháng 5 kiết hạ: đều cách tháng nhuận), tự tứ sụt xuống một ngày (30-4 kiết, ngày cuối của tháng 7 giải, Mồng 1-5 kiết đến 1-8 giải, tức sụt một ngày).

- Hoặc có an cư cách một tháng (ngày mồng 1 tháng nhuận và ngày mồng 1-5 kiết cũng gọi là cách một tháng), tự tứ cùng ngày (đều ngày 1-8 tự tứ).

Như vậy dần dần bớt (nên nói: an cư cách hai mươi chín ngày v.v...) cho đến an cư cách một ngày (30 tháng nhuận và ngày 1-5 tức là cách một ngày), tự tứ cùng ngày (cũng đồng sáng sớm tháng 8 giải).

\* Ba, trong phần tháng 7 nhuận, trước nêu nhuận, trở xuống là giải thích.

Ba tháng đầu trụ, ngày 16-4 kiết hạ đến ngày 16-7 giải hạ.

Ngày mồng 1 tháng 5 kiết đến cuối tháng 7 trước bước qua ngày 1 tháng 7 nhuận thì giải hạ. Vì thế nói rằng chưa đến nhuận (kiết giải đều ngày 16). Tháng 5 trở xuống là nói là trường hợp thứ hai.

Ngày mồng 2 tháng 5 kiết đến cuối tháng 7 trước giải hạ thì mới được tám mươi chín ngày, vì thế phải bỏ qua tháng nhuận, lấy ngày 1 tháng 8.

Ngày mồng 1 đủ ngày nghĩa là sáng sớm hôm sau mới ra khỏi giới (tức ngày mồng 2 giải hạ).

Cho đến ngày 16-5 kiết giải có thể biết.

Sở lập ba câu:

- Hoặc có an cư cách một ngày (mồng 1 và mồng 2 tháng 5 kiết là cách một ngày), tự tứ cách một tháng (mồng 1 tháng 5 kiết hết tháng 7 trước, bước qua sáng sớm đầu tháng 7 nhuần giải; ngày mồng 2 đến cuối ngày đầu tháng 8, bước qua ngày mồng 2 giải hạ, tức cách một tháng). Cho đến an cư cách mười bốn ngày (ngày mồng 2-5 cho đến ngày 16 kiết), tự tứ cách một tháng (mồng 2-5 kiết đến mồng 2 tháng 8 giải hạ. Ngày mồng 3 về sau kiết thì trước sụt sau thêm, cho đến ngày 16 kiết, đến 16-8 giải, đều cách một tháng).

Còn bao nhiêu trở xuống sẽ chỉ rộng, nay thấy trong nghiệp số. Như trên lược dẫn nghĩa sao văn ẩn.

Trong pháp chia phòng, ba thời chia có thay đổi. Nghi thức thường ở Tây Vực là sợ giữ gìn chấp trước, thường không suy nghĩ nhằm lìa thế tục, bạt tình khiến trệ không tôn trọng pháp này. Ở Đông Độ thì không phải như vậy nên không nghe. Hoặc ở chung một nhà như sữa hòa với nước, hoặc ở riêng phòng, chẳng khác gì thế tục. Vả lại, người quân tử thì đời đời còn kẻ tiểu nhân thì khứ khứ ôm giữ đất. Huống chi người xuất gia ý chí cao thượng mà ngược lại ôm giữ gốc cây. Than ôi! Đến nỗi khiến cho lời dạy của Đức Phật không còn, hạnh kiểm, lễ nghi thì trụy lạc.

Trong phần chế duyên, trước nói tâm chủ nhỏ hẹp. Lựa khách và cựu trụ nên xảy ra sự chê bai là lý do đầu tiên.

Phật trở xuống là nói chế Tỳ-kheo cựu trụ tự biết, chỉ khiến cho Tỳ-kheo khách nhìn thấy tốt xấu thì dứt sự tranh cãi.

Trong phần hành pháp, văn trước đủ năm pháp gọi là năm đức. Bốn đức trước là y cứ theo tâm gọi là đức chung, vì thông tất cả. Đức thứ năm y cứ về sự gọi là y cứ theo đức riêng, vì tùy theo sự đều hạn cuộc. Thuận theo mình không kết bạn nên không ái; trái với ý mà không ghét nên không nhuế; thông suốt giáo lý không nghi ngờ nên không sợ; biết thời cơ thích hợp hoặc thay đổi nên không si.

Có thể biết phân chia, v.v...: Nếu y cứ về số lượng người thì Đại tăng có thể được còn Tỳ-kheo tội ác và Sa-di thì không thể được. Nếu y cứ về chỗ tức phòng xá có thể, còn các chỗ khác thì không được. Tóm lại, tâm phải thông hiểu pháp phân chia trước sau mới kham lãnh được việc tăng sai.

Yết-ma trở xuống: Dẫn pháp rất dễ hiểu.

Khoa kế, trước xướng cáo năm đức, sau chúng tăng tập trung đồ vật: Tùy những đồ vật mình có đều đem nhập chúng, chỉ trừ giường nằm, tọa cụ, v.v...

Trong phần ba, trước đếm biết phòng xá.

Chủ kinh doanh: Hoặc xây dựng, hoặc sửa chữa lại, tùy ý chọn lựa để thưởng công lao.

Trong thiên bình bát, đồ dùng chếp: Tỳ-kheo làm việc kinh doanh xây dựng khi phòng xá hoàn thành rồi chỉ ở chín mươi ngày rồi dời đi, những thứ khác cũng như vậy.

Sau trở xuống hai là y theo thứ lớp phân định.

Nếu có trở xuống nói số người ít, phòng nhiều phải chia hai, ba lần. Vì thế trở xuống nói chia không dùng nên phải để lại.

Hỏi: Đã tùy theo chỗ ưa thích có thể nhận, vậy Tỳ-kheo ở trụ xứ đó thì sao?

Đáp: Trước phải để cho Tỳ-kheo cưu trụ rồi mới phân chia, về lý thì lẽ ra không có lỗi, ý của bốn giáo sợ mê đắm chỗ ở. Nay thay đổi thời tiết thì xướng pháp ở người làm đó.

Nếu ác trở xuống ba là nói chọn người.

Thời trở xuống bốn là chỉ bày nghiêm chế.

Trong phần hỏi đáp, đầu tiên là nạn: Luật chế việc ăn uống không được phân chia thiên vị dành nhiều cho Thượng tọa, không giống như pháp phân chia phòng xá nên dùng ngang nhau.

Trong phần đáp, hai câu trên nói thức ăn đều chung, sau nói phòng xá hạn cuộc nhất định, hai nghĩa trái nhau. Trước nói tốt xấu đã nhất định, ngược với bình đẳng ở trên, tốt xấu rất dễ biết.

Tốt xấu không đồng, nghĩa là chọn tốt.

Hạn trở xuống hai là nói thời gian dài, ngược với trên nói là ngắn.

Kế trong phần hỏi, do vật của hiện tiền tăng tốt xấu cũng nhất định là thuộc riêng, về lý phải lựa chọn mà chế tham thử, vì thế xen vào là nạn.

Xưa nói: Trước do thí vật tốt xấu xen lẫn nhau nhưng sau ghi tên người hiện tiền trên thẻ, khiến cho không thấy vật rồi ném thẻ tới.

Trong phần đáp: Người hiện tiền phải rõ hai món. Như trong giới trộm cắp nói chia đồng nghĩa là chia bình đẳng, câu này trái với chia phòng không bình đẳng.

Thông có một phần: Do chưa phân chia chưa thành thuộc của câu



này ngược với câu phòng xá có chung.

Đầu sách là cách nói khác của từ quảng thể mà thôi.

Trong phần tương khác, luật Tăng-kỳ nói có ba tiết.

Đầu nói có thể được không?

Nếu phòng trở xuống là nói phân lại. Nếu mùa Xuân trở xuống là nói ba thời hoãn gấp. Mùa hạ, phòng xá vì sự nên cho, mùa Xuân, mùa Đông lại thọ dụng chung mà cho, vì thế nói là chung đủ thọ cả hai.

Trong phần bốn cũng như phần ba, trước nói khách đến không đời, giống như trên rất dễ thấy.

Nếu phân chia trở xuống là chọn chẳng phải chỗ.

Nếu có trở xuống là dự định. Trong luật vì có Tỳ-kheo thấy A-luỵen-nhã hang cốc tốt liền khởi niệm rằng ta sẽ an cư ở đây. Sau đó, các Tỳ-kheo khác thấy vậy cũng khởi niệm rằng đến ngày 16 cùng đến trụ xứ chật hẹp này. Đức Phật cho phép trước phải tác tướng mà trụ, tức ghi rằng Tỳ-kheo... muốn an cư ở đây, nói ở đây dường như không chia phòng. Như hang động, am xá trong núi, chỗ lập riêng đó có thể tự nêu giới nhất định, tăng phòng tự thực hành pháp phân chia. Theo lý thì không có dự định chiếm nên gọi là diệt. Bỏ thì ngại người sau nên diệt tức là trừ.

Ba nói về tác pháp. Trong phần lập giáo có nêu bốn duyên Đối thú, trong bốn chế thực hành bình thường, ba duyên còn khai tâm niệm khai không người. Vọng thành khai phi tâm, cập giới khai chạy đến. Trong phần đối thú, trước đã nêu trong phần an cư, chung cho các giới nghĩa là tác pháp trong giới tự nhiên hoặc xóm làng, lan-nhã hoặc tăng phòng, Tục xá đều an cư chung, nay trở xuống là nêu pháp nay lập. Trong phần xuất pháp, đầy đủ nghi thức, hai là nêu bày pháp, y theo số chia làm tám. Câu đầu là nói sở y, chứng tỏ không có tướng khác.

Con... là chẳng phải người khác. Y chỗ... là quyết định chỗ đã nêu. Trước đã chọn chẳng phải sau. Trong ba tháng: chung một tháng khác là khai chế. Hạ là trừ mùa Xuân, mùa Đông. An cư là chọn không phải dạo đi. Phòng xá, v.v... là sắp xếp duyên trợ giúp. Nói ba lần là tiêu biểu không lầm lộn. Trên nêu bốn luật, kế dẫn luật Ngũ Phần tiếp tục thành đối đáp. Người kia tức người được được đáp, không buông lung là lời răn nhắc.

Đáp: Thọ trì là nói phải suy nghĩ kỹ, sau dùng nghĩa thân vào.

Trở xuống là dẫn luật Ngũ Phần, bốn tông gồm chế nương người. Y theo điệp từ ý khiến phải chuyên vâng hành. Nay phần nhiều chỉ tụng ba lời không theo từ khác. Theo lý thì nên y cứ theo văn là tốt.

Trong phần chuyển đổi, văn trước y cứ một tướng để rõ. Chỗ đã nhiều, khác nên phải tùy đó mà thay đổi. Nói sắp xếp là chỉ hạn cuộc về tăng phòng không chung những chỗ khác. Bất trở xuống là khiến trách sai. Kia nói rằng nương chung một nước, một thành thì chỗ rộng dễ bảo vệ. Nhưng hạn chế nhiếp tu thì chật hẹp càng tốt. Như trên đã dẫn luật, há không ngại đầu chỗ ngồi dung được đầu gối, đâu có sợ mất mà chung một nước ư? Vì sợ không biết bắt chước nên phải chỉ phá.

Trong phần hỏi đáp, ban đầu có ba, trước chỉ chung chế ý. Trước người trở xuống là nêu riêng ba đời. Nếu trở xuống trở lại nêu bày sai trái. Nếu y cứ theo mùa an cư nhiếp tịnh tu đạo mà lại khiến làm việc kinh doanh là trái với bốn giáo, bậc hậu hiền có trí phải cầu ý chỉ này.

Kế, trong phần hỏi đáp về năm thứ trì luật. Vả lại, y cứ về văn tụng nhiều ít thứ lớp. Nhưng bốn món trước phải giải nghĩa để hiểu rõ về trì phạm mới y theo đó thực hành. Trong phần suy cứu câu đầu là răn bảo. Năm phần trở xuống là giải thích. Trước dẫn chế pháp của Ngũ Phần. Có Tỳ-kheo tức là nói duyên khởi.

Nãi trở xuống là lập chế, đến chỗ kia là nói gần gũi. Nếu phòng trở xuống là nói ở xa hướng về y chỉ.

Nhược dĩ trở xuống chép: Đi đi lại lại.

Gặp duyên sự tùy đó kết thành; thỉnh pháp nhân duyên chớ không phải tâm khinh mạn. Y cứ trở xuống: Vẫn thành tiền an cư.

Kế dẫn chế phạm của Tứ Phần. Tướng tội theo thứ lớp giảm xuống, trong văn có thể hiểu.

Trung an cư, trước là nêu. Luật trở xuống là giải thích có năm tiết. Câu đầu chỉ cho luật, có danh tức thêm ba: Tiền, trung, hậu. Không pháp tức trong kiên-độ chỉ nêu hai vị tiền và hậu. Thế trở xuống chỉ cho xưa. Song trở xuống là nghĩa lập. Hai câu đầu y cứ tên thêm ba, nghĩa là do có ba thời cho nên nêu ba tên, dùng tên để hiển bày thời nên nói là phân biệt. Ba câu kế quyết đoán nghĩa kiên-độ đầy đủ. Vì thế có thể nêu lập chú thích dẫn lượng của bình bát, văn trong luật chỉ nêu hai phẩm thượng, hạ cùng với nay có giống nhau chút ít. Ứng trở xuống nêu pháp đã y cứ về vách núi (hang núi) nên trừ việc tu sửa. Ất trở xuống là tuy là xưa, những lời chú thích trong Yết-ma y cứ theo luật chỉ nêu hai pháp tiền và hậu. Trong lời sớ, cái gọi là chẳng ai không hướng về tiền an cư vì đều gọi là hậu.

Trong hậu an cư trước nêu sau giải thích. Câu đầu là định ngày. Đồng trở xuống là chỉ pháp giống và khác. Trong tâm niệm là chú thích chỉ bày khai duyên. Đương trở xuống là nói về nghi thức. Trụ trở

xuống khiến sửa đổi vọng thành: Trước giải thích danh tướng, thân đã ở trong giới không chỉ có việc kiết thêm. Phật khai thành hạ nên nói vọng thành. Luật trở xuống là dẫn bày.

Bốn pháp trong luật thứ lớp thuận nhau, cho nên chỉ cho tâm niệm là vọng, phải quên đối thú, lệ cũng đồng khai. Vì thế biết trở xuống y cứ quyết định. Đầu nêu văn hạn cuộc, vì luật duyên khai bên ngoài đến. Ất trở xuống hiển nghĩa thông, chỉ y cứ về yêu cầu tâm không hạn cuộc trong ngoài. Trước nói Tỳ-kheo cự trụ có yêu cầu cũng chung, sau nói Tỳ-kheo khách không yêu cầu lại không chung. Nói vì sự là riêng có công vụ chẳng phải vì yêu cầu.

Trong cập giới, sơ chép: Giới là nhiếp nhập vào giới của tăng, viên là vườn của tăng-già-lam (lam là tiếng Phạm, viên là tiếng Hoa tức là cái sân), ở đây phải lựa chọn.

Nếu tăng-già-lam hẹp, giới rộng và tăng-già-lam bằng giới gồm y cứ về giới mà nói. Nếu tăng-già-lam rộng, giới hẹp hoặc không có giới thì y cứ về vườn mà nói.

Luật y cứ tăng phòng, y cứ nhà thông tục, ở đây gồm thâu bốn thứ.

Sơ chép: Vườn và giới cả hai có đôi và chiếc (nghĩa là vườn và giới đều có đôi và chiếc (hai và một) viên thành bốn).

Hỏi: Chiếc (1) đã đủ thành thì cần gì phải đối mới đủ?

Đáp: Trong luật vì duyên khởi tùy thời cơ hoãn gấp trước hai sau một thứ lớp khai đó. Đã y cứ một cũng thành hai thì vô dụng, do đó trong văn chỉ nói một chân.

Sau chỉ rộng, sơ chép: Sở dĩ một chân vào giới minh tướng xuất hiện thì thành: Do cấp thiết không rảnh để khai không kết thành.

Lại hỏi: Hai chân vào giới thành bại đối nhau, chưa biết một chân vào giới có được xếp vào tiền an cư hay không? (bại là phá hạ).

Đáp: Cốt yếu phải hai chân ra khỏi giới phá do tiện lợi hơn nên nếu một chân ra khỏi thì phá, một chân vào không thành, đều có hại có người tu hành, không gọi là khai chế thì rất có lý.

Kế nói phần chứng, tức bốn pháp trước y cứ vào bốn vị thời, xứ, nhân, pháp gồm thâu vì khiến cho chẳng thông lạm. Đầu tiên y cứ về thời, nghĩa là bốn pháp trên thông tiền, trung và hậu an cư, một thời có bốn thành mười hai. Kế y cứ về xứ thì có giới tự nhiên và giới tác pháp đều thông an cư thành hai mươi bốn. Lại y cứ về người thì có năm chúng, mỗi chúng có hai mươi bốn thành một trăm hai mươi bốn thứ an cư (trong sơ lại chia cập giới là bốn thành bảy pháp, trải qua ba vị thành

hai trăm mười bốn, mô phỏng theo trên sẽ biết). Trong phần y cứ pháp, vẫn trên bốn pháp đã chung ba thời, không lặp lại ở đây. Nhưng đối với pháp khác nói chung, hạn cuộc khác nhau, nên phải chọn lựa. Trước nói đối thú tâm niệm chung có ba, có thể biết sau nói vong thành cập giới dẫn lời giải khác. Trước giải hạn cuộc khai tiền hậu, trong lời chú Yết-ma cũng nêu nghĩa này. Lại trở xuống, kế giải thích hạn cuộc khai hậu an cư. Gồm trở xuống là kết đoạn. Nay y cứ theo ý của Tổ đều chung ba thời. Tùy theo ngày kiết hạ, tùy ngày mãn hạ mà thọ tuổi. Nghĩa là không bị bít lấp nên xem hai lời giải thích, theo gấp thì tốt. Nhưng trong bốn luật chỉ nói bốn pháp không chọn lựa tiền hậu, vì thế nói là đều sai.

Hỏi: Hai pháp vong thành và cập giới là gia pháp phải chăng?

Đáp: Y theo lời số cũng phải trình bày, nhưng hạ thành ở trước, gia pháp ở sau, không dùng gia pháp kiết trước.

Lời số chép: Vọng thành, cập giới chẳng được sau dùng gia pháp làm gì?

Đáp: Chế khai nghĩa lập thế nào mà không có được (thắng được là khai, gia pháp là y chế).

Khoa thứ hai trong phần gặp duyên, theo luận thì thọ nhật phải ở trong pháp phụ, nhưng ra khỏi giới gặp nạn, lỗi khác nhau nên ở đây nói mà thôi. Trước dẫn luật khai tức khai hai nạn. Trước gồm nêu nạn phạm hạnh trở xuống là giải thích riêng. Đầu tiên giải thích nạn phạm hạnh: Lược nêu dâm dục và trộm cắp, còn các giới khác y theo đó có thể biết. Đất có phục tùng dung chứa sinh vật trộm lấy thì phạm.

Hai trở xuống giải thích nạn mạng sống. Phật trở xuống chỉ bày khai. Kế là trong phần nói về quyết định, cầu đầu khoa đầu lập trước. Tùng trở xuống chánh chia làm hai. Trước nói cầu xứ y cứ về tâm để nói thành phá. Nếu được suy xét hai là nói được xứ; y cứ về duyên để phân biệt chung và không chung. Pháp tùy theo thân, nghĩa là xứ có trước sau, pháp vẫn nối tiếp. Ra khỏi giới liên phá nghĩa là y cứ vượt qua đêm. Kết thành sau giải nghĩa là pháp đã tùy thân không cần phải tác pháp, chỉ hưởng đến chỗ đó tâm dừng trụ gọi là kiết mà thôi.

Duyên và pháp: Duyên tức nạn việc, pháp là thọ nhật. Trái lại, không duyên pháp thì phá hạ. Trong phần lập nghĩa chứng, khoa đầu vẫn dẫn có năm. Năm chia thức ăn không đủ vì đạo duyên thiếu. Thân ưa thích khổ vui nghĩa là khổ thì sinh buồn phiền, vui thì sinh đắm nhiễm, cả hai đều có ngại cho đạo.

Luật Thập tụng trở xuống chỉ cho ba văn, luật Tứ Phần cũng vậy,

nghĩa là tức như trên người, trâu, v.v... năm chỗ theo đó giải thích. Trong phần nói về luận, trước nêu chung tám nạn đồng nói trong giới. Số trở xuống giải thích riêng hai nạn. Không trở xuống hai câu là kết chung các văn. Kế, là trong phần nói quyết định, trước dẫn văn quyết định. Ma-di tức Mẫu luận, chính là nói Ma-đát-ly-ca, Hán dịch là BỔn mẫu, vì thế lời chú trong Yết-ma chép: Tỳ-ni Mẫu cho rằng: Dời hạ không phá an cư, các bộ khác không có văn khai như vậy. Tứ Phần trở xuống là y cứ nghĩa quyết định.

Ba, trong luật dời hạ, đã được thọ y thì thành hạ. Trong Tạp Biện, khoa đầu vọng thành không thọ nhật nghĩa là vì trong phần năm trăm lời hỏi có khai văn này.

Hỏi: Dùng lời dẫn đó.

Trong lời đáp, trước nói khai nghĩa là đây thật mê tâm, cho nên khai nhớ nghĩ hối hận, nếu có thủ câu thì không phải ý của lời dạy.

Nhất tọa trở xuống là chỉ bày chế, do dạy quá hoãn nên phải có giới hạn. Quá ba lần sám hối đầu thật cũng phá tướng chỉ bày nhớ nghĩ hối hận.

Tức phản giới nghĩa là mau thở ra vào bốn xứ, thọ nhật.

Trong phần gặp nạn, số chép: Ngay ngày ra giới gặp nạn trải qua một đêm, ắt có duyên này, không có văn khai. Đây nghĩa là có việc, không có văn nên phải quyết định.

Cao Tề tức Cao Dương ở Bắc Tề kia không phải là Tiêu Thị ở Nam Tề. Lúc bấy giờ, Phật giáo rất hưng thịnh, Chiêu Huyền Ty lập luật đức mười vị đề thống lãnh tăng ni trong nước, gọi là Chiêu Huyền Thật Thống.

Hỏi: Đã có chánh lượng đâu được tính theo người?

Đáp: Các sư đã bình chuẩn các văn ở trước: dời hạ và thọ nhật gặp duyên không đến thì không mất, phải chuyên thủ hộ mà chẳng phải lỗi của tâm, xét về tình thì đáng xót thương nên cho phép khai.

Số chép: Cao Tề Thập Thống, có lòng thương xót từ bi cứu giúp chung, may mắn, do đó ung dung phạm thì mất hạ, đâu có nghi ngờ gì.

Trong phần nói lợi trở xuống, là sợ cho rằng an cư thân phải ở trong giới, không khai nói hội nên phải hỏi để giải quyết.

Đáp: Dẫn hội y lệ đồng với hội hạ. Luật kia nói y giới không lập thế phần nên thân vào trong giới mới thành.

Trong phần già-lam và giới rộng hẹp, trước nói y giới có hai: Một là minh tướng hiện phá hạ là nói riêng y thành mất. Hai là vượt thủ văn nếu căn bản trở xuống: Nói thông y không mất, do khi kiết không biết

giới khác nên chung kia đây.

Nếu y trở xuống là hai nói y tăng-già-lam cũng có hai:

1- Nói già-lam rộng, giới hẹp hoặc già lam và giới bằng nhau, nói không mất do đã có giới, trước đây y theo giới, nay y theo già-lam nên phải chú thích để rõ. Nếu y giới nội trở xuống hai là nói già -lam hẹp giới rộng hoặc sân riêng, phòng riêng.

Tiểu giới cũng như vậy: Nếu kiết riêng một phòng y, phòng an cư, mà ra ngoài cửa thì liền phá an cư.

Đều nghĩa là trở xuống là tổng kết.

Nói hai mất là y giới, y già-lam đều có một mất, một không mất, tức y cứ về bốn tâm có trái, không trái nhưng chẳng phải nói văn nên nghĩa rộng, giới phần nhiều rộng nên hoãn, phòng hẹp nên gấp, ắt có người dừng nghỉ trong đại giới. Tự ý y phòng bỏ hoãn, theo gấp càng phù hợp với ý chỉ lời dạy. Trong phần gặp duyên bỏ đi có hai nạn tức nạn mạng sống, nạn phạm hạnh là duyên của mình, phá hòa tăng tức duyên theo người. Trong luật nói bốn xứ vì ta ở cho nên phá, giới khác vì ta đến cho nên hòa, vì có hại đến việc quan trọng nên đều khai đó cho. (tranh kiến tranh hoại) ở Tây Vực thì có nhiều còn xứ này ít có, nên nói là ít. Thọ nhật gặp duyên, dẫn trong văn, trước là duyên gần. Nếu trở xuống tức là nạn mạng sống. Văn trong luật Phật chế đều nói được tuổi, đồng như thân lưu ở trên nên nói đồng như trước.

Trong phần nghĩa quyết định văn rất hoảng sợ xảy ra vọng thành nên phải y cứ gấp. Đầu là chánh quyết định; hai là dẫn chứng có thể biết.

Trong phần năm, Ca-đề chia làm ba: trước nói thời gian có hạn, ở đây cho là không có y công đức thường khai cho một tháng. Hai là giải thích danh nghĩa, dẫn luật dịch tên, văn chú thích giải nghĩa. Ba là chỉ rộng.

Hỏi: Thiên sau đã nói rộng, vì sao ở đây phải chỉ bày lại?

Đáp: Như nói về thọ lợi, tuy sau tự tứ được lợi nhưng hoàn toàn do công phu tu hành trong mùa an cư.

Lại nêu hạ bốn tháng chế khai phần chừng. Lại ở đây nói không được y công đức, sau y cứ có y công đức. Nếu như vậy có y thọ pháp, ở đây vì sao không nói?

Đáp: Vì hành sự thứ lớp hợp ở sau tự tứ.

Trong phần giải giới, chương này có y là phá chấp xưa để dứt nghi ngờ sau. Vì không liên quan đến chừng hạn hạ nên nói rằng nhân đó nói. Vì trong kiên-độ y Ca-hy-na nói rằng: An cư rồi có bốn việc phải

làm:

- Nên tự tứ.
- Nên giải giới.
- Nên kiết giới.
- Nên thọ y công đức.

Trước dẫn trong Mẫu luận cũng nói như vậy, cổ sư y cứ theo đây nên có vọng giải thích. Trong phần dẫn xưa, trước nêu chấp kia. Sở chép: Có người nói rằng do nương vào giới nên thành an cư, nếu giải bốn giới liền phá hạ. Do mất chỗ nương ngay trong ngày đó tuy kết cũng không thành tự, vì thế vẫn nói an cư xong phải giải giới, chưa xong mà giải nên biết là sai. Đây trở xuống nạn phá có bốn:

\* (1) Khiển trách quên, luật trở xuống

\* (2) Hiển chánh, trước lặp lại văn luật, vì trở xuống là nêu bày ý. Nhưng vẫn không nói rõ đến nỗi khiến cho hiểu lầm. Nên y theo luật Thập tụng, vẫn nói về y công đức mới quyết nghi. Rộng trở xuống là chỉ khai. Tam thập ngũ chép: An cư rồi chúng đông, tăng phòng cùng kiết một giới thọ y công đức có được không?

Đáp: Tất cả đều được thọ. Lại trở xuống.

\* (3) Dẫn chứng. Cựu ký chép: luật sư Chỉ thủ không phải hạ bèn hiển có chỗ làm riêng, vẫn không chỉ nghĩa giống ở trên, cổ trở xuống.

\* (4) Dẫn nạn: người xưa nói: Đã bị các bậc cổ đức đời trước nạn phá, nay lại dẫn dùng. Trong sở chép: có người nói là đây. Trước dẫn luật rằng an cư rồi phải giải giới, phải tự tứ, hai văn chẳng khác nên dẫn chung như vậy. Luật chung ba ngày, tự tứ chưa hết ngày 14, 15 đều thành, và trung gian cùng hậu an cư tùy theo tiền an cư cũng tự tứ nhưng phải ở cho đủ ngày, dùng đây chung nên biết, giải kiết không phá hạ, vẫn gồm, v.v... là không giải kiết hết. Nếu nói rằng không phá hết, thì tự tứ lẽ ra cũng phá, tự tứ đã không phá thì tại sao giải kiết lại phá? Câu trên chỉ bày văn đồng, câu dưới nói nghĩa hợp phá thì đều phá, thành thì đều thành, không thể chỉ có một phá hoặc thành. Vì thế sở lại nạn rằng: Như trong giới nhiếp y vì giữ y nên giải lẽ ra cũng mất chỗ nương, liền ngày nói lìa, nhưng chưa trải qua đêm không nói lìa y. Hạ cũng đồng như vậy đâu được phá (trước nói giải giới liền ngày phá hạ không trải qua đêm, nên có câu hỏi này. Nay trong giải, hai câu đầu phán định. Nhưng trở xuống nói trước sau rộng hẹp. Trước sinh khởi, nhược trở xuống là nêu tướng, có hai. Đầu tiên là nói y giới trước hẹp sau rộng. Tăng-kỳ nói giới tránh nạn rộng mỗi bề ba do-tuần.

Hỏi: Trước rộng sau hẹp là nương chỗ nào?



Đáp: Y theo giới tự nhiên cũng nên nương theo từ hẹp dần dần rộng thêm.

Nhược trở xuống hai là nói y theo già-lam.

Lại có sư nói rằng trong giới tự nhiên an cư rồi kiết giới thọ nhật, mất giới tự nhiên cũng phá hạ.

Nạn rằng: Vốn y theo giới tự nhiên kiết hạ còn thành, nay kiết giới tác pháp ở giới cũ, đâu được nói rằng phá hạ. Do không lìa giới nên đây không nêu lời xưa, bày thẳng ý này. Trước nói sau hẹp, nếu trở xuống là nói sau rộng, hai duyên thì có nạn không nạn (xưa nói: Lời chú văn trước thuận với xưa, y theo đây biết sai). Trong phần thọ nhật nêu ý, trước nêu khai ắt trở xuống nói chế, vọng trở xuống hiển bày lợi ích. Ở Tây Vực chia vật nhiều là tùy theo số tuổi hạ, ở đây cũng vậy, nên nhiều hơn đây. Khả trở xuống là sinh khởi.

Trong phần nêu phân chia, trước là so sánh ba pháp, sau chia ba khoa, chung với ba ở thiên trên. Khai riêng hợp chung hoặc bảy ngày, nửa tháng, một tháng thì hợp riêng lìa chung.

Trong đối người dẫn hai lời hỏi. Trong luật Thập Tụng chép: Chỗ y xứ và chỗ đối người, chế hành thọ nhật không lìa giới, phải theo năm chúng đều hạn cuộc lời nói. Tỳ-kheo thì chung chúng tăng còn các chúng khác thì chỉ hạn cuộc riêng, vì không thực hành, khoa kế dễ thấy. Trong ba xưa chấp ba món thứ lớp thọ không được trước sau, nay thì trái lại. Các sư xưa chấp pháp nên không cho là sai, sư nay nghĩa duyên tùy duyên liền được cho nên khác nhau.

Trong giải thích nghi tức xưa đã chấp. Sơ chép người xưa nói trước thọ bảy ngày sau mười lăm ngày, do văn nói rằng pháp thọ quá bảy ngày. Trong phần đáp nói rằng miệng nói lời hợp với thế tục khiến người dễ hiểu. Ba pháp là nửa gấp bội nửa; tháng gấp bội bảy ngày và một tháng gấp bội nửa tháng, cho nên biết văn có lỗi lặp gấp bội.

Trong tướng nhiếp do pháp chúng là mạnh, pháp riêng là yếu, mạnh phải nhiếp yếu. Pháp dung ẩn hiện nên có môn này.

Khoa đầu, trước nêu dụng xong rồi hiển, không phải chỗ luận. Bảy ngày trở xuống chánh chỉ bày tướng nhiếp. Đầu lập nghĩa. Do trở xuống giải thích lý do. Luật trở xuống dẫn chỗ y cứ của văn. Khoa kế, trước chánh thức nêu bày. Tỷ trở xuống là khiển trách sai. Trên theo xưa, không hiểu ý nay. Trong sơ có nêu người nói nay chánh giải thích rằng: Nay giải thích không đâu chẳng phải lý này. Chỉ là một duyên không được có hai pháp tốt xấu, có thể như trước chế (trước y cứ duyên khác nay không chấp). Nay trước sau duyên khác nhau đều y theo thọ

nhật. Pháp trước giúp sự, sự chưa dứt làm sao mất pháp được? Nếu bị bệnh hoạn thì phải uống sữa, dầu.

Đối duyên có tám môn:

1. Nói duyên chung khác, chia làm hai: Trước nói đúng pháp; nếu trở xuống là nêu phi pháp.

Nói vọng số nghĩa là chẳng phải duyên thọ nhật trái pháp phá hạ vì không thành tuổi nên dẫn chứng có thể hiểu. Nhưng chỉ mất lợi, nếu bậc thượng trung hạ thì không thể loạn. Pháp truyền rằng: Hễ người phá hạ chỉ không được hưởng lợi dưỡng chứ đâu phải khi xưa thì được cung kính nay lại khinh thường, vì thói quen thành tục vốn không có bằng cớ. Tuy vẫn không nói mà đối với lý thì đủ.

Tự duyên cũng có hai: Ở đầu nói đúng; nếu trở xuống nói sai. Ở đầu nói nhiều thứ ác câu; Túng trở xuống là nói việc buôn bán tốt. Tuy vì Tam bảo mà tìm lợi, mua bán cũng thành phi pháp, chỉ rộng như ở sau. Tức trở xuống trong phần năm duyên đầu hoặc giới mua bán ở quyển trung. Trong duyên Tam bảo có hai: Trước dẫn văn chỉ bày; y theo đây trở xuống dùng nghĩa quyết định. Trước nói đúng pháp cho nên khai, chùa lớn là chọn lựa chẳng phải tự mình.

Các chỗ: Chung cho Tam bảo. Nếu từ trở xuống là ví dụ, nêu ra phi pháp có bốn điều khác nhau. Chịu làm thuê mượn; cập trở xuống là vì mình; hoặc trở xuống là vì thế tục; tướng trở xuống là vì tăng, gồm kết chung bốn món.

(244) Trong duyên thứ hai, trước phán định đúng sai; tổng trở xuống là nhiều tướng không nêu ba thứ này: Trong bệnh gồm thâu gập nạn; thọ giới, bố-tát, làm phước, cúng dường, hỏi nghi thỉnh pháp đều là sinh thiện; sám hối tức diệt ác. Luật Tử Phần trở xuống dẫn duyên tướng, Tử Phần lại nêu ba món, như ở sau sẽ dẫn đầy đủ. Trong bộ Thập Tụng có tám món. Làm phước là đào giếng, làm cầu, rộng cứu giúp chúng sinh. Nhược tức có thể thỉnh riêng. Phần bốn người có lòng tin cho phép đến. Sau nói: Trong bộ Thập Tụng nói rộng trong phần bốn tức là văn này. Nhược trung trở xuống là nói thời lượng đã thỉnh.

Trong phần ba, trước dẫn luật; trở xuống là nghĩa quyết định. Ân trọng của cha mẹ, thế lực của Đại thần, vì thế tuy không có lòng tin cũng cho phép đến. Còn người khác trái với đây cho nên chọn người có lòng tin.

Sinh phước là việc, tin ưa tức là tâm. Có năng lực sinh lòng tin nghĩa là người khác có đạo hạnh thì có thể. Trước tuy không có lòng tin, nhưng sẽ cứu giúp nên khai cho đến (xưa giải thích người kia có năng

lực là sai).

Trong phần bốn, trước như pháp lại có hai: Thọ pháp và đi ngay. Nay trở xuống là khiển trách vọng hành (luống thực hành), trước nêu lỗi, tuy vì y và thuốc mà tìm cầu bên ngoài, nên nói là vọng. Chuẩn trở xuống là nêu đoạn, trước đoạn lỗi xin y, giới biết đủ thứ ba mươi, giới thứ bảy thật vì y bị đoạt mất, hiện thiếu ba y, không cho hoàn toàn thọ nên nói là huống. Nay trở xuống là bày lỗi. Xả chế nghĩa là thiếu pháp phục. Thủ chính là chứa tài vật dư. Ất trở xuống nói cho phép chung. Xin y tức là giới thứ sáu.

Kế đoạn xin thuốc, tự mình thiếu hoặc chỗ xa cần hai duyên này mới nhập vào khoản khai cho.

Trong phần năm, đầu tiên dẫn văn. Do ta đấu nên sinh ra sự tranh. Phải là ta hòa nghĩa là diệt sự tranh cãi. Nhưng trở xuống so sánh nghĩa riêng hiển sau hòa khiến cho y đó thọ nhật. Câu đầu là phát ra, câu sau là thu hẹp lại, nghĩa là duyên trước không cho phép để nương theo. Việc đi ngay có kỳ hạn nào ngại gì phải đến. Luật khiến đi không đi thọ nhật không được, vì thế nói rằng chánh đoạn. Trong phần kết khiển trách trước là dẫn văn khác chứng chung như pháp. Văn trong luật, câu đầu nói chế, trừ trở xuống chỉ bày khai cho, y bát, v.v... là giải thích các nhân duyên khác ở trước. Nay trở xuống là ngăn vọng, đầu tiên là khiển trách việc cầu xin, trên nói việc làm luống dối trái pháp. Túng trở xuống là chỉ bày sự thật cũng sai. Trong giới xin y, nếu bị cướp đoạt mất thì được xin y. nếu xin ngũ cốc đều kết tội Đột-cát-la, vì thế nói là luật kết chính, như hiện tượng chỗ đã nói. Hoặc trở xuống khiển trách mời thỉnh. Như các việc phúng điệu, chúc mừng, nuôi bệnh, hỏi thăm (thư sớ vãng lai ý linh triệu mạng chủ loại thị giả). Luật trở xuống chứng sai, đồng với Thập Tụng: Như tám duyên trước, từ trước đến nay năm duyên là tổng kết văn trong luật, các duyên đều như vậy, chỉ có trước sau không thứ lớp. Nay tùy theo thứ lớp để dẫn như sau:

1- Trong luật, nhân vua Ba-tư-nặc bị nước lân cận làm phản, vua ra lệnh đem quân đánh dẹp. Những thứ nhà vua đã cúng dường cho Phật và chúng tăng như y phục, thức ăn; các đại thần không tin pháp liền tước đoạt hết. Các Tỳ-kheo muốn đến tâu lên nhà vua nhưng đường xá xa xôi Đức Phật khai cho thọ nhật (việc của Phật, tăng).

2- Có Tỳ-kheo tụng sáu mươi bộ kinh, vì tìm người đồng tụng nên Đức Phật khai cho thọ nhật (việc của pháp).

3- Vua Ba-tư-nặc đến dẹp giặc ở nước lân cận, các Đại thần không tin Phật pháp bèn đào kênh (ràch, sông) cách tinh xá Kỳ-hoàn (nghĩa

là từ Tinh xá Kỳ-hoàn đến chỗ vua phải qua kênh (sông) này. Tỳ-kheo muốn đến tâu lên vua, Đức Phật cũng khai cho (việc tăng thuộc duyên Tam bảo ở khoa trước).

4- Có đàn việt muốn thỉnh Tỳ-kheo đến cúng dường, tỳ-kheo tự nghĩ rằng nhà đàn việt này ở quá xa không thể trong ngày trở về được, Đức Phật chưa cho pháp có nhân duyên như vậy mà được đi, nên các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy cho phép được đi bảy ngày (về sau, các duyên đều đồng như ở đây nên không dẫn lại) nhưng không nên vì việc ăn uống, chỉ trừ các duyên khác.

5- Tỳ-kheo ở nơi khác thỉnh đến sám hối tội Tăng tàn.

6- Tỳ-kheo-ni thỉnh đến sám hối tội Tăng tàn.

7- Thức-xoa thỉnh sám hối, thọ giới (thọ sáu pháp) hoặc thọ Đại giới.

8- Sa-di thỉnh thọ giới, Sa-di-ni thỉnh thọ sáu pháp (trong sáu pháp ni thọ lễ ra thỉnh tăng chỉ giáo mà thôi, tức duyên thứ hai ở trên).

9- Đại thần không có tín tâm muốn gặp, hoặc có ích, hoặc không có ích, Phật cho phép đi (hai việc).

10- Đại thần có tín tâm muốn gặp, hoặc bị bệnh, hoặc buồn phiền, hoặc vì lợi ích (ba việc).

11- Cha mẹ không tin ưa Phật pháp muốn gặp, hoặc không tin khiến cho tin, hoặc phá giới giúp cho giữ giới, hoặc xan tham khiến cho bố thí, hoặc không hiểu giáo lý khiến cho hiểu (bốn việc).

12- Cha mẹ tin ưa nên thỉnh để gặp, hoặc bị bệnh, hoặc buồn phiền, hoặc có lợi ích (trên là cha mẹ cùng thỉnh, dưới là thỉnh riêng).

13- Có mẹ thỉnh để gặp.

14- Cha thỉnh để gặp, anh em (cùng thỉnh, thỉnh riêng có ba), chị em, hoặc bà con bạn bè cũng như vậy.

Lại nói, nếu vì y bát, tọa cụ, ống đựng kim, thuốc men thì đến ngày thứ bảy phải trở về.

Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo ở trụ xứ thấy có:

1- Tỳ-kheo muốn phá tăng, nghĩ rằng vì ta mà phá tăng ư? Bạch Phật cho phép đi.

2- Thấy Tỳ-kheo-ni cũng vậy.

3- Nghe Tỳ-kheo.

4- Nghe Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

5- Có Tỳ-kheo ở trụ xứ an cư, nghe Tỳ-kheo kia muốn phá tăng tự nghĩ nếu ta đến can ngăn, dùng lời nói khiến cho họ không phá tăng.

Lại nghĩ, nếu tự mình đến hoặc không dùng lời nói của ta nhưng ta có

người thân ở đó có thể khiến họ dừng việc đó, ta sẽ nói khiến cho họ dừng lại không phá tăng nữa, Đức Phật cho phép vì việc này mà đi.

6- Nghe Tỳ-kheo-ni cũng như vậy (sáu duyên này, trong luật cho phép đi ngay. Lỗi sao có định kỳ hạn khiến thọ nhật, vì thế xếp vào năm duyên).

Lại trong năm việc trên, thứ tư là vì mình, hai và ba là vì người, một và sáu chung cho mình và người.

Trong phần ly hợp có ba:

- Một ngày trở lên là duyên bảy ngày.
- Tám ngày trở lên là duyên nửa tháng.
- Mười sáu ngày trở lên là duyên một tháng.

Bảy ngày hợp: Số chép: nếu đều ba ngày hoặc xen nhau giảm thì có thể đồng bảy ngày kia đây gồm dùng. Như một là tám ngày, một là hai, ba ngày có thể hợp thọ nửa tháng. Số chép: hoặc họ Trưởng, họ Vương mỗi vị đều là bảy ngày không thể hợp dùng Yết-ma nửa tháng, do việc khác với người đã làm chỉ được trước sau thọ bảy ngày. Một là mười sáu ngày, một là hai, năm, cho đến mười ngày được hợp thọ một tháng. Như trở xuống dẫn hai trường hợp bao gồm. Ứng trở xuống ba nêu lời câu, tăng chung tăng riêng hai pháp dùng đó. Huyền thọ nghĩa là việc trước đúng như pháp kỳ hạn đã định, nhưng thời gian chưa đến dự đoán trước được thọ quá ngày mới dùng. Điều chỉ đúng pháp, cái gọi là duyên hiện chẳng phải mượn cố.

Ất trở xuống ngăn sự lạm quá. Đầu nêu lỗi, do trở xuống nêu ý, việc sai sự thật Thánh giáo cũng giúp đỡ, cho nên nói rằng không truyền nhau.

Sớ nêu bốn lỗi:

- 1- Không thể cậy nhờ.
- 2- Vốn không có duyên thật.
- 3- Không thể kỳ hạn.
- 4- Vọng nhận sự may mắn.

Trong phần xen dùng chánh minh, khoa đầu tiên y theo số. Bạc cổ sư không chia hai duyên vốn khác, được dùng lẫn nhau, ý này không phải như vậy. Như trong văn đã nói, trước nói duyên khác không hợp; ất trở xuống nói bốn duyên khai được.

Trong luật nghi chép: Nhân có Tỳ-kheo thọ nhật đến trong xóm làng, chưa hết bảy đêm, việc làm cũng chưa xong mà trở về bạch Phật, nhân đó Phật cho phép thọ hết những đêm còn lại. Bạch rằng: Con thọ bảy đêm đã qua hai đêm, còn lại bao nhiêu đêm đến chỗ kia, được ra

khỏi giới. Vốn chỉ có một duyên nên nói rằng chẳng gọi là việc khác.

Khoa kế, hướng về Tam bảo thì không, đối với các duyên khác với Tam bảo là bất (khác thông). Như trước làm tượng Thích-ca, sau làm tượng khác, tuy đồng Phật sự nhưng không phải thời gian trước; Pháp, tăng so sánh như đây, trong văn có thể thấy.

Sau, trong một nhà, trước nói bất; nhưng trở xuống là hiển bày thông. Như chỉ thọ kia thỉnh không nhất định, duyên khác nêu chung các việc, tùy theo đó mà làm, nên nói là y cứ theo tâm, v.v...

Trong phần giải thích ngại, sợ nghi ngoài giới không khai nên có lời hỏi đầu. Hoặc cho rằng thỉnh tăng thứ lớp sai nên có lời hỏi kế. Hoặc nghi xả thỉnh chẳng phải duyên của ta nên có lời hỏi sau.

Hai trường hợp thỉnh tức theo thứ lớp tăng mà thỉnh. Sau nói tăng thứ lớp được nghĩa là do thí chủ tâm buông lung cho nên nguyên tức là bốn.

Trong phần thọ lại, xưa giải theo số rằng: Có người nói an cư lập hạnh tu đạo làm tông chỉ, có duyên gặp được khai ba. Do khi có việc cứu giúp nào được thọ lại, không có lý này. Vì thế, trong Thập tụng vì việc phá tăng cho phép thọ một lần bảy đêm, không được hai lần bảy đêm, cho đến ba mươi chín đêm là phá hạ, nói ở văn này (trở xuống chỉ cho hòa tăng tức ở đây. Kia chỉ có hai pháp bảy đêm và ba mươi chín đêm không đồng với luật Tứ Phần).

Khai ba pháp là:

- 1- Không cho thọ lại.
- 2- Sai không thành: Không cho trước sau loạn.
- 3- Kia cho rằng: Trước cần thọ bảy ngày, kế thọ nửa tháng, đầu duyên bảy ngày cũng xin nửa tháng, một tháng cũng như vậy. Ba pháp dùng đủ.

Hoặc có duyên gặp phá an cư mà đi, thì không khai. Đây do không hiểu thọ nhật tùy theo duyên tác pháp ý cứ theo thật, vì thế có chia ra ở đây.

Trong phần nay giải thích, câu đầu trong khoa đầu là phán định, hai câu kế là chỉ rộng.

Sớ dẫn xưa nạn rằng: Tu đạo là việc gấp đâu được chế trụ, có duyên đến tùy ý được khai.

Nay lại nạn rằng: Như trước đàn việt thỉnh thọ bảy ngày, về sau có việc vì Tam bảo cần buôn bán vì sao không khai được? Nói biết cũng được.

Đản trở xuống là chánh lập.

Lại ba, trước nêu lý. Do pháp thọ nhật vốn vì duyên mà khai, duyên đến pháp ứng đâu có chừng hạn là ba, không có trước sau. Vì thế biết người xưa đều không hiểu ý của lời dạy.

Cổ trở xuống hai là chỉ chứng. Hơn hai mươi: Như đã dẫn ở trước. Và trở xuống là nêu văn cũng như trước.

Trong phần dẫn chứng, trong luật Ngũ Phần nói tất cả đâu hạn cuộc một lần. Trong luật Thập Tụng, đâu là phá chấp không cho thọ hai lần bảy ngày. Đầu dẫn văn.

Nhiều duyên: Như tám việc như làm phước, v.v... nêu ở trước. Tự mình như y, thuốc v.v...; vì người khác như thọ sám, v.v...

Vị trở xuống là giải thích chung. Các Sư xưa chấp cho đây là y cứ nên phải phá. Hai lần lặp là duyên khác thân hai lần bảy đêm, đây là phi pháp.

Sớ chép: Pháp thọ nhật kia chỉ có hai vị, đối thú bảy đêm sao lại gia thêm, vì thế không được hai lần bảy đêm. Không ngại trước sau đi cũng được. Nếu trở xuống phá chấp hòa tăng, như trên đã dẫn. Trước nói chấp kia nên nói dường như mà thôi, do dường như nên đến nỗi khiến cho hiểu lầm. Song trở xuống là đoạt, không thỉnh nghĩa là kia không sai sử, cũng khai được đến đồng như trong luật Ngũ Phần ở trước. Trong luật Tứ Phần mỗi việc sai thỉnh riêng tức là gấp. Trong đây lại y cứ hoãn gấp đều dùng nêu không hạn cuộc.

Sớ chép: Hòa tăng dùng hai pháp đã phá an cư, đi là thọ pháp y theo giới hạn. Hai trường hợp trước có kỳ hạn nên khai cho tùy theo đó mà thọ. Đã dùng pháp hòa, diệt nạn về kỳ hạn thì biết dùng pháp gì đến kia hòa, vì lý phải phá hạ đây là chỗ khai cho.

Trùng trở xuống là khiển trách chỗ y cứ khiến phải y theo lý. Trong Ngũ Bách Vấn, văn lý rất rõ.

Sớ chép: Ty-ma-la-xoa khẩu quyết, người ấy dịch luật Thập Tụng đã có thông đây, nghĩa không nghi ngờ (luật Thập Tụng trước do Cưu-ma-la-thập dịch, sau Tỳ-ma-la-xoa dịch).

Luận Minh Liễu được thọ nghĩa là được khai lại.

Trong sớ giải, nghiệp sớ chép: Tuy thỉnh bảy ngày việc xong không trở về phá an cư phạm tội nhỏ. Nếu việc chưa xong được sáu đêm, ngày thứ bảy trở về, đến ngày thứ tám lại thỉnh bảy ngày, nếu sau không xong lại thỉnh bảy ngày nữa.

Ở đây trở xuống là nêu người làm chứng. Chân Đế người ở Ưu-thiền Tây Ấn-độ, trong hai triều đại nhà Lương và nhà Trần đến đây dịch kinh.



Ninh trở xuống là trách kia câu chấp.

Một góc nghĩa là không thông biến, là bí lấp. Phật hóa vốn đích thân nghe đời Đường, ngài Huyền Trang từ Tây Vực về, Na-đề cùng đến, sắc chiếu cho Tổ sư đồng đến dự phiên dịch, do đó được nghe đầy đủ pháp của Trung quốc đủ làm chứng cứ, vì thế dẫn văn chỉ bày.

Văn sau chỉ rộng, như trước lược dẫn, còn bao nhiêu như kia. Trong dài ngắn ba trường hợp: Cực hạn là dài, một ngày, tám ngày, mười sáu ngày là ngắn, trung gian dài và ngắn có thể biết. Trong văn tuy nói duyên ngắn bảy ngày duyên dài để biết, vì thế nửa tháng, một tháng y cứ theo đồng đó.

Luật trở xuống là dẫn văn chỉ bày. Lập trở xuống là nêu lý do. Nhược trở xuống là giải thích sự nghi ngờ. Nhưng y cứ vào duyên dài biết tất phải đường xa.

Trong tăng ni, văn trước pháp của tăng có thể biết, trong ni cũng đồng, vì thế phải phân biệt. Trong luật Tứ Phần và Tăng-kỳ văn có thể rõ.

Không nói nhiều nghĩa là không nói hơn hai.

Khoa kế, trước nêu lạm hành. Luật Tứ Phần trở xuống phán là phi pháp. Trong phần ba, văn trình bày hai nghĩa. Biệt duyên nghĩa là khác với duyên nhiều, vì thế phải có duyên sự lâu dài phải đến trước, hoặc cho trở về giới thọ lại bảy ngày khác, hoặc so sánh nạn duyên nghĩa chung đi liền. Trong việc xong, sở dẫn xưa chấp rằng: Việc không về hạ cũng không mất. Cho pháp nên nay sư không đồng. Như văn chỉ bày, trước chỉ bày lý do. Thí giống như dùng.

Hỏi: Việc xong liền trở về giới, vì đường xa phải trải qua đêm, không có pháp tùy thân lẽ ra phải mất hạ?

Đáp: Pháp nương duyên mà sinh, duyên pháp mất, đúng kỳ hện trở về nhưng chưa về đến bốn xứ, việc còn chưa dứt nên không mất hạ.

Hỏi: Việc xong pháp xong hoặc duyên chưa hết, kỳ hện đã mãn, vì sao nói mất hạ?

Đáp: Luật Tứ Phần, Thập Tụng nói ngày đêm hai trường hợp sai khác nhau như ở sau tự rõ.

Luận Minh Liễu trở xuống là dẫn chứng.

Luật Thập Tụng không cho phép: Như trước nói: Giữa đường nghe có người chết phản giới tám nạn xảy ra thì không nên đi.

Luật Tăng-kỳ đồng nghĩa là trước nói trung tiền hòa liễu, trung hậu trở về, v.v...

Trong phần chánh gia, văn đầu phần tâm niệm vốn là đối thú, do không có chỗ đối thú nên khai cho tâm niệm. Trước nói khai duyên. Ở một mình, v.v... nghĩa là lan-nhã, viễn hành (tức là ở giữa đường an cư), khi bệnh hoạn, đói khát, nương bà con. Năm duyên đều không có bạn, nếu có thì không khai.

Nhược trở xuống là chánh chỉ bày cách bạch cáo.

Thập trở xuống là ngăn sự quá lạm.

Có người chấp văn bày cho là thông, xen nhau đối đáp, v.v... Nhưng lại ở đây y cứ trường hợp bảy ngày mà nói. Pháp Yết-ma một tháng không thông bốn trường hợp kia. Văn trước chỉ lựa Ni chúng, y theo lý thì Sa-di cũng giống như vậy. Trong phần nêu bày Sa-di trở xuống cũng không nêu ra, mà lại nêu bày đồng với tăng.

Trong phần đối thú, thọ pháp chia làm năm:

- 1- Câu người khác xem xét.
- 2- Nói lại tâm tư của mình.
- 3- Nêu hẹn không lạm quá.
- 4- Trình bày việc không luống dối.
- 5- Hẹn trở lại vâng chế.

Trong phần chọn lựa phân biệt khoa đầu nói rằng: Y cứ trong Yết-ma bạch: Tức lời văn duyên khởi thuộc câu thứ ba, không đâu không thêm bớt, đối chiếu đó sẽ thấy. Khoa kế, trong phần chánh minh, trước lập lý, bất trở xuống là phân biệt khác. Ở đời, hễ khi nói về bệnh thường là bảy ngày chuyển, thuốc không làm cho bệnh tăng thêm, cho nên giới hạn bảy ngày.

Kế là khoa nghi, rằng: Bệnh chuyển có thể được, nếu không chuyển quá ngày, pháp lẽ ra phải tùy đó.

Trụ còn như vậy.

Đáp như trong luận: Tức phần nhiều đã thành, như bốn thứ thuốc đã dẫn. Trong lời hỏi đáp đều do đời xưa luống thực hành, vì thế đặc biệt phân biệt chỉ bày.

Trong lời đáp, câu đầu là nghĩa quyết định.

Đây chỉ y cứ về đêm thứ bảy mà nói, chẳng phải cho rằng gồm sáu đêm trước.

Dĩ trở xuống là giải thích lý do. Văn nói bảy ngày, hai trường hợp khác y cứ đồng. Hựu trở xuống chỉ cho sai. Lại phần hai, trước chánh khiển trách vọng thay đổi. Diệc trở xuống do đó bác bỏ lạm dụng.

Đàm-đế Yết-ma sau tùy đó đưa ra pháp sự, việc xong, có người không hiểu lời dạy liền dùng đó.

Hỏi: Hai tôn mất thọ đồng khác nhau như thế nào?

Đáp: Mất pháp thì khác, phá hạ thì đồng.

Luật Tứ Phần nói thọ nhật, ngày hết thì mất.

Luật Thập Tụng nói thọ đêm, đêm hết mới xong.

Và luận về phá hạ đều y cứ ngày thứ tám khi minh tướng xuất hiện.

Sớ chép: Đêm thứ bảy minh tướng chưa hiện thì thuộc về đêm trước, khi minh tướng xuất hiện thì thuộc về ngày thứ tám. Chế bảy ngày đêm phải về trong giới.

Lại chép: Luật Thập Tụng cũng nói đêm thứ bảy phải trở về, trở lại đồng như luật Tứ Phần nào có khác gì.

Hỏi: Các bộ luật lập pháp khác nhau như thế nào?

Đáp: Luật Ngũ Phần có ba phẩm thì đồng với luật Tứ Phần. Luật Thập Tụng có hai: Một là pháp bảy ngày, hai là pháp Yết-ma ba mươi chín đêm. Bộ Tăng-kỳ cũng có hai: Một là bảy ngày, hai là việc Yết-ma xong, đây là pháp khác nhau giảm đồng, các pháp thì khác. Văn chỉ ở thiên sau, tìm xem đó có thể hiểu.

Trong phần các pháp nêu bày duyên, trước nêu ra ý nay lại có hai: Trước chỉ bày duyên đồng tức Tam bảo, v.v... năm trường hợp ở trước. Vì thế, trong luật nói về pháp thọ bảy ngày đã nêu đầy đủ. Nửa tháng, một tháng đều chỉ như trên. Đản trở xuống nói về giới hạn sự khác nhau. Đây là nói duyên riêng chúng và đồng ngày giới hạn dài ngắn là khác. Không đồng trở xuống thứ lớp khiển trách lỗi xưa. Kia do duyên ngắn mà gia pháp dài. Sớ chép: người xưa dùng bảy ngày, về sau có duyên ngắn, thọ một tháng là sai, khiến cho phá hạ, cho nên biết có hai cách giải xưa. Thử trở xuống hai câu là chính khiển trách. Câu trên nghĩa là kết nghiệp, câu dưới tức trái với lời dạy. Dư trở xuống là chỉ pháp thọ lại ở trước.

Trong phần lập pháp nêu chung bốn nhà. Đây cùng các văn khác nhau vì thế phải khéo léo nêu ra.

Lời tựa sớ chép:

1- Hoặc dịch riêng ra (Khải Sư); hoặc y văn luật (tức nay một nhà nương bốn mà tụng); hoặc y cứ theo nghĩa dùng (Quang Sư); hoặc dẫn theo chỗ y cứ duyên khởi (Nguyệt Sư). Trong thọ nhật nói rằng trước sư gia đích thân xin (Khải Sư).

2- Cho phép che giấu (Quang Sư).

3- Cho phép sáu đêm (Nguyệt Sư).

4- Các sư cận đại không thêm lời xin (tức trong lời tựa thứ hai ở

trước).

Dùng hai văn này đối chiếu lại khác nhau.

Như trở xuống là tự thấy. Chỉ hai nhà nghĩa là hai bốn của Khải Sư và Nguyễn sư (xưa chỉ Khải, Đế Sư).

Ban đầu, bốn của Khải Sư trước tiên nêu lời xin rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... thọ quá pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng để ra ngoài giới vì duyên sự... vì thế nay trở lại trong giới này an cư (nói ba lần) bạch và yết-ma đồng lời sao này.

Sớ chép: Đầu, người gia thêm lời xin Yết-ma không ghi ra sợ thành pháp của tăng. Đây là Yết-ma xưa. Kế là bốn của ngài Nguyễn Sư văn này đã bị mất.

Sớ rằng: Thứ ba, người chỉ cho pháp sáu đêm xin pháp nêu duyên, tụng sự đều xong (trong sáu đêm bạch pháp, trước nêu chỗ phạm, kế xin hành pháp che giấu, sau xin sáu đêm, đã ghi rất rõ).

Ý rõ pháp xin đồng trở xuống là bốn của ngài Quang Sư.

Bạch và yết-ma chỉ trong câu thứ tư thêm rằng: nay tăng cho Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng ra ngoài giới vì duyên sự nay trở về trong giới an cư. Vì thế nói rằng tụng sự đều xong (Tổ Sư nói: Bốn của Nguyễn Sư không có lời thêm bớt, nghĩa là y công đức lập sáu duyên mà thôi, không phải thiếu pháp Yết-ma). Trong phần Sư thứ ba, ba câu đầu nêu chỗ đã lập kia. Lời sớ: Người thứ hai tuy chép lời xin, cho phép che giấu hai thiên (nghĩa là trong lời bạch thêm lần thứ hai nên nói là hai thiên). Phải thời đến trước tăng thêm lời xin, bằng lòng rồi sau có lược nêu việc, tác pháp Yết-ma cũng vậy. Đây hoàn toàn y theo bốn của ngài Đàm Đế, nay lược dẫn đó. Xin rằng:

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... ở chỗ này an cư xin thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày, hoặc một tháng ra ngoài giới vì duyên sự... xong việc sẽ trở lại trong giới này an cư. Nay theo tăng xin Yết-ma thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng, xin thương xót tác pháp Yết-ma cho tôi (nói ba lần).

Trong phần chánh gia thêm, bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... ở trụ xứ này nhập hạ an cư xin thọ pháp bảy ngày, mười bốn ngày, một tháng ra ngoài giới vì duyên sự..., xong việc xin trở về trong giới an cư. Nay theo tăng xin Yết-ma thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng (đây là thêm lời xin). Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng, cho tăng nay Yết-ma cho Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày, hoặc

một tháng (không thưa rằng vì duyên sự... cho nên nói lược sự).

Trong Yết-ma, câu thứ hai trong duyên ghi lời xin trở xuống thêm rằng: nay tặng Yết-ma cho Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng.

Cử trở xuống là chỉ lỗi. Đầu sinh khởi hai trước ít thấy nên không bàn ở đây. Đây đã thành hành phải biết là lỗi lầm. Nay trở xuống là chánh chỉ bày có bốn:

- Trước là trình bày ý nay đề nêu lỗi xưa.

Nội giống như nhập.

- Luật rằng trở về sau là y cứ theo văn mà khiển trách.

- Hữu trở xuống là nêu ra.

- Khiển trách khiến cho dừng trở xuống là khuyên phải nương pháp ở sau.

Câu: Hỏi có được không là phá lời giải xưa.

Sớ chép: Có người định phán nương thọ hạ phá hạ.

Câu: Đáp rằng không mất, sớ chép: Xin tặng xin giảm đều có bằng cứ.

(Ý rõ: Không đâu không phạm tội phi pháp).

Sư thứ tư, sớ chép: Các Sư cận đại không thêm lời xin chỉ y theo bốn mà tụng.

Xưa chỉ bốn của Nguyễn Sư: ngài Nguyễn Sư sống vào thời Bắc Tề thì không phải cận đại.

Hỏi: Trong bốn phần trước, sao không nêu bốn của ngài Đàm Đế?

Đáp: Vì bốn của ngài Đàm Đế đồng với ngài Quang Sư nên không nêu ra.

Hỏi: Đã trừ lời xin, thì trong Yết-ma lẽ ra phải không trình bày bốn ý?

Đáp: Lời sớ nói người xưa lập duyên thêm bớt, nghĩa là thọ nhật không xin, thiếu duyên thứ tám.

Tổ sư nạn rằng: Thọ nhật mà không xin đâu không phải bảo rằng y cứ theo đây.

Nay khi hành sự thọ phải đầy đủ nghi thức, đến trong tặng bạch rằng: tôi là Tỳ-kheo... muốn thọ pháp mười lăm ngày (hoặc một tháng) ra ngoài giới vì duyên sự..., xong việc sẽ trở về trong giới an cư. Bạch như vậy rồi mới thêm pháp.

Trong pháp một tháng không được hai lần tụng, nghĩa là do trong bốn luật không nêu pháp.

Dưới mười lăm ngày viết tiếp một tháng là dịch lược văn, ý khiến cho tùy trường hợp mà đổi. Thường thường người ngu y theo văn mà đọc, cho nên ở đây ngăn.

Sớ chép: Mười bốn, mười lăm.

Sớ lại hỏi: Sao nói là thọ một tháng mà không nói là quá nửa tháng?

Giải thích rằng: Thọ pháp bảy ngày là riêng một người còn các pháp khác đều thuộc chúng pháp nên chỉ nói bảy ngày. Biết rõ hai pháp kia đều bạch nhị Yết-ma.

Lại nói: Hoặc thọ nửa tháng số ngày đã đủ do gia pháp rằng mười lăm ngày. Hoặc thọ một tháng thì tùy tháng đủ hoặc tháng thiếu mà tính như thế nào, y theo tháng thiếu nên muốn chín ngày, vì thọ một tháng.

Trong ba lựa chọn nói chung nghĩa thọ nhật an cư khác nhau, vì thế nói là Tạp.

Khoa đầu nói mùa hạ nóng là duyên khác, ở đây lược nêu trường hợp khác để khai.

Phải đồng duyên: Vì việc thuận tiện nên duyên khác không được.

Sau chỉ chỗ nêu ra, song cùng với nghi thọ giới trong bộ Tử Phần có chút ít giống nhau, cũng có thể nêu ra để làm tiêu chuẩn.

Trong phần y xứ, y giới có thể hiểu.

Trong phần y già-lam, văn đầu tức ở trước nói kiết hạ trước, kiết giới sau, cho nên trước nói không.

Hai giới tức Đại giới và Giới tràng.

Nói lìa y: Ở đây nói theo tác pháp nhiếp y, giới tự nhiên cũng không mất.

Khoa kế nói là giới cũ nghĩa là nói trước đây đã có giới.

Nói Phật chế: Tỳ-kheo ở trụ xứ Phật chế trước phải kiết giới, chế phải y theo cương giới đó.

Già-lam có duyên chưa kịp kiết giới, hoặc y thôn, nhà, v.v... xứ có thể y theo giới tự nhiên, hoặc tăng phòng có giới thì nhất định phải y theo giới. Nay người hành pháp có giới, xứ khiến y theo già-lam mà kiết, thì giới tràng tiểu giới tới lui không ngại. Ý cho rằng: Y theo già-lam hoặc y theo giới tùy sở thích của mỗi người. Lại cho rằng văn này thuận với xưa (từ trước đến nay nêu ra ba xứ, nghĩa này đều là chỉ xưa, rất sai lầm). Kể hậu học đều theo thầy mù dẫn đường làm sao cứu được.

Nói thu hẹp lại nghĩa là xả giới già-lam rộng theo giới hẹp được

đúng ý lời dạy. Vì thế, trở xuống chỉ rộng: Lời sơ nói trước vốn không có giới y già-lam mà kiết. Sau nói rằng lập tâm hạnh: Hành hộ theo ý. nếu sau tác pháp cách xa giới tự nhiên thì chỉ y theo chừng hạn của giới tự nhiên. Đã không có nạn duyên thì không thể khai.

Nếu kiết hẹp, bỗng có nói y theo giới mới do an cư tùy theo giới tự nhiên trước để định, vì có tác pháp giới trước rồi. Ý trong Yết-ma an cư tùy ý, không cần kiết thêm.

Trong phần kiết chỉ, ở trên đã phán, người giảng vì các lời ký vọng cho rằng thuận với xưa, bèn nói đây là khiển trách xưa. Trên vọng lại thêm vọng, vọng này làm sao cùng tận. Vả lại văn trong lời sao, trước sau nghĩa bình nghĩa chuẩn, lời nói kia chẳng phải một há không phải văn đều không chấp.